

GÒ CÔNG TRONG TIỂU THUYẾT HỒ BIỂU CHÁNH¹

Phan Thanh Sắc

Thân thế Hồ Biểu Chánh

Ông tên thật là Hồ Văn Trung, tự là Biểu Chánh, bút hiệu là Thứ Tiên (thường ký trong các bài thơ), sinh ngày 1-10-1885 (năm Ất Dậu) tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công, trong một gia đình nghèo, đông con (ông là người con thứ năm trong 12 người).

DẪN CHUYỆN

Nhà văn Thụy Khuê đã viết như thế này để kết luận bài viết về cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Hồ Biểu Chánh là cuốn *Ai làm được*

“Nếu hình ảnh xã hội miền Bắc nằm trong toàn bộ các tác giả Bắc qua nhiều thế hệ, từ Hoàng Ngọc Phách đến Tự Lực Văn Đoàn, từ Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, đến Nguyễn Hồng, Nam Cao, vv.. thì có thể nói trong Nam, tất cả tình hình xã hội, đẳng cấp, giàu nghèo, thành thị và thôn quê đều nằm trong tay Hồ Biểu Chánh, với 64 cuốn tiểu thuyết.

Một nhà văn có thể thay mặt cho cả một dòng văn học, thì nhà văn đó phải có một tâm vóc lớn lao. Và chính cái giá trị lớn lao đó, đòi hỏi chúng ta phải chứng minh và tìm hiểu tới tận ngọn nguồn”

Thế đấy, rất nhiều nhà văn, nhà phê bình văn học ở miền Nam, hay có vào miền Nam, đã có nhiều bài viết chứng minh và tìm hiểu tới tận ngọn nguồn để đưa tên Hồ Biểu Chánh vào đúng vị trí trong nền văn học nước nhà!

Tôi đã đọc tiểu thuyết của ông hồi đầu các năm 1950, bắt đầu là các cuốn *Tỉnh Mộng*, *Cay Đắng Mùi Đời*, *Chúa Tàu Kim Qui...*, mà không nghĩ đã đọc nhà văn của quê mình. Rồi qua nhiều giai đoạn, tôi đọc những tiểu thuyết của ông mà tôi tìm hay tình cớ có được. Gần bốn chục năm sau, cuộc đời đã chín, tôi trụ lại, bình tâm đọc lại ông sau khi tôi viết một tiểu phẩm, *Vài cảm nghĩ khi đọc Hồ Biểu Chánh*, với sự cảm thụ sâu sắc về cuốn *Tỉnh Mộng* mà hồi còn tuổi mộng mơ tôi đọc và nhập vào giấc mộng đời mà tác giả dựng nên cho tuổi mơ của tôi. Lúc này, tôi có vài cảm nghĩ mới để thoát mộng và bình tâm để đọc tiếp các cuốn tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh mà Nhà xuất bản Tiền Giang đã xuất bản gần như trọn vẹn. Riêng về tiểu thuyết, con số 63 cuốn như trong hai câu đối tang của thi sĩ Đông Hồ khóc bạn, hay 64 cuốn như trong trang Web về Hồ Biểu Chánh đã tổng kết mới đây, không gì khác biệt cho lắm. Kỳ đọc lại này, tôi đọc không có

¹ Trích trong *“Gò Công... lặng thầm hương sắc”*, Nxb Phương Đông, 2012, từ trang 330 đến trang 386

mục đích tìm hiểu vị trí tiểu thuyết của ông trong nền văn học chữ quốc ngữ đầu tiên của nước ta, mà tìm hiểu xem tại sao ông được đọc nhiều ở miền Nam. Điều mà ai cũng biết, ông chuyên viết những điều quê mùa miền Nam, đặc biệt là miền Nam thời thuộc Pháp từ đầu thế kỷ thứ 20 cho đến năm 1958, ông vẫn còn viết để rồi mất cùng năm đó.

Đặc biệt vì ông là tiểu thuyết gia người Gò Công, nên tôi tìm đọc coi có cuốn tiểu thuyết nào lấy bối cảnh là Gò Công không. Rồi, tôi đã bàng hoàng, buồn sách mà suy gẫm, khi đọc lại từng cuốn truyện của ông.

Ông mô tả những vùng đầm lầy hoang vu, kinh rạch chằng chịt, đồng ruộng mênh mông của vùng đất tôi từng trải qua, sống qua, khiến cho lớp quá khứ tưởng chừng lùi mãi, giờ trải lại dàn ra với con người xưa, trở lại sống động!

Tôi đã tìm được những cuốn truyện lấy bối cảnh Gò Công. Tôi chắc chắn rằng ít ai để ý tìm ra được cái mảng mà tôi nói rằng tôi bàng hoàng khi đọc các cuốn truyện này. Phần tuyệt vời không phải là một khía cạnh văn học nào, không phải là một cốt chuyện lôi cuốn nào, mà là những nét bi hùng trong lịch sử của riêng quê hương tôi, cách xử thế, lối ăn ở theo thời và cả không theo thời của con người quê đặc sệt, dễ thương mà cũng khó thương này!

1. TIỂU THUYẾT HAI VỢ (1955)

GÒ CÔNG : ĐỊA LINH NHƠN KIỆT SỬ THI SƠN QUI – TRƯỜNG CỐC

Tôi bắt đầu bằng cuốn tiểu thuyết *Hai Vợ* xuất bản năm 1955, tức đây không phải là cuốn tiểu thuyết đầu tiên tác giả lấy bối cảnh quê hương Gò Công. Tôi đề cập ngay cuốn này vì cho đây là quyển tiểu thuyết kể chuyện hư cấu trong bối cảnh, thời gian có thực như vạch bóng thời gian, cuốn địa phương chí tóm lược mà 70 năm trước khi tôi bắt đầu học sử địa phương Gò Công, tôi đã được biết Gò Công là miền đất xa xưa có loài chim công sinh sống, nên dân gian mới đặt là Gò Công, còn tên chữ là Khổng Tước Nguyên. Miền Gò Công được sử nhà Nguyễn gọi là « *Địa linh nhân kiệt* ». Tôi tin như thế và tự hào, khi tôi viết về địa phương tôi vẫn giữ nền tảng này.

Câu chuyện kể về một chàng trai con một nhà nho quê Xóm Tre làng Bình Thạnh Đông, vào học trường Nho của hậu duệ dòng Phạm Đăng tại Sơn Qui, làng Tân Niên Đông, được cha hỏi vợ cho ở một gia đình khá giả cũng ở cùng Xóm Tre. Năm 1858, Tây đánh thành Gia Định. Quan huyện Tân Hòa kêu gọi học trò lớn của trường Sơn Qui nên lên Gia Định nhập ngũ để đánh Tây cứu

nước. Các cánh quân của triều đình đang thiếu người làm việc từ hàn trong quân ngũ. Chàng trai Lê Xuân Hào cùng người bạn học đồng lòng lên Gia Định. Lúc chia ly, chàng trai dặn dò người vợ chưa cưới ở nhà chăm sóc cha mình. Giặc cũng đến Gò Công, dân chúng ở các làng giáp Truong Cóc là cánh rừng thấp cặp theo rạch Gò Công và sông Bao Ngược, cũng quyết tâm tổ chức dân quân, tự trang bị giáo mác, chận đánh Tây đổ bộ lên qua Truong Cóc để vào chợ huyện lỵ Tân Hòa, tức chợ Gò Công bây giờ. Tây có tổn thất ít tên và dân quân vài người cũng đã nằm xuống. Dân các làng vẫn quyết tâm đánh Tây...nhưng thế cờ tàn, Tây thắng thế vào được huyện lỵ (1863) và Trương Công Định phải tuần tiết tại Gia Thuận năm 1864. Dần dần cuộc kháng cự của dân các thôn lắng xuống, dân bắt đầu lo lại cuộc sống. Người bạn của chàng trai trở về bình an, còn chàng trai không biết tin tức. Người bạn về nói, hồi lên tới Gia Định họ được phiên vào hai đoàn quân khác nhau và không biết tin gì về nhau. Cha chàng trai bị bệnh và người vợ chưa cưới của chàng trai đến ở để chăm sóc người cha chồng đui mù như người dâu thảo. Rồi một hôm chàng trai trở về, dẫn một người đàn bà có thêm đứa con trai. Chàng trai kể sự tình, vì sau một cuộc chiến, chàng bị thương nặng, đoàn quân cũ không biết ở đâu, chàng nhờ một cô gái ở miệt Hóc Môn cứu và săn sóc vết thương cho lành cả nửa năm trời, rồi vì cảm thông thanh tình cô gái, chàng ăn ở với cô và có con, nay về xin cha định liệu. Người cha đã nhìn nhận cô con dâu không cưới nhưng có hỏi rồi, nhất quyết bảo chàng trai nên để người vợ có con về quê Hóc Môn, chỉ nhìn nhận cô dâu đầu mà thôi. Tức nhiên, Hồ Biểu Chánh luôn viết tiểu thuyết có hậu, độc giả có thể đoán kết cuộc của câu chuyện này. Chính cô dâu đầu đã gỡ rối cho tình cảnh của chàng trai và của mình nữa...Chuyện hai vợ trước đây ở nông thôn Gò Công không phải là hiếm!

Thật ra tình tiết câu chuyện được xây dựng khá hoàn chỉnh. Giờ bất cứ ai cầm cuốn tiểu thuyết này, cũng sẽ đọc cho tới hồi kết chứ không bỏ nửa chừng đâu.

A. Truyền thống « Địa linh nhân kiệt »

Còn muốn biết về truyền thống vùng đất này tôi xin để cho ông, nhà văn Hồ Biểu Chánh, bậc trưởng thượng, sanh năm 1885, kể khi ông viết ngay *Chương Một* của cuốn tiểu thuyết. Ông viết y như thế này :

“Gần đây, một khách giang hồ trót mấy mươi năm bôn ba gởi bước khắp non sông, tình cờ trở lại nguồn Khổng Tước, nhìn cảnh cũ, nhớ người xưa bỗng cảm hứng nên ngâm một bài thi thất ngôn bát cú, tả phong cảnh Gò Công có hai câu trạng như vầy:

Sơn Qui phường phát hồn văn vật

Bao Ngược ò ào sóng cạnh tranh.

Chắc có nhiều anh chị em bốn phương chưa biết Sơn Qui là cái gì ở đâu.

Sơn Qui là một giếng cát trong tỉnh Gò Công.

Vùng Gò Công nằm dựa mé biển, nên thấp thỏi sinh lầy, nhưng có mấy cái giếng cát nổi lên ngang dọc, giữa những cánh đồng ruộng vui vẻ, với màu lúa hết xanh rồi vàng, bằng phẳng một mực đều phía trên hay phía dưới.

Những giếng Tháp, giếng Tre, giếng Nâu, giếng Cát, giếng Găng, giếng Trôm, giếng Ông Huê, giếng Sơn Qui, giếng nào cũng có trải qua những giai đoạn thăng trầm, cũng được thế cuộc ghi dấu lịch sử hoặc hùng hào, hoặc xán lạn.

Giếng Sơn Qui là trung tâm khai hóa trong vùng Khổng Tước, nguyên là cái lò nung đúc nhân tài để giúp chúa Nguyễn trung hưng hồi cuối thế kỷ 18.

Thiệt như vậy, giếng Sơn Qui đâu trong vô tận mé sông Gò Công, còn đâu ngoài đặng con đường quan lộ Gò Công lên Chợ Lớn. Hiện giờ du khách đến đó thì thấy dân cư thưa thớt, nhà cửa xơ rơ, chỉ còn phủ thờ với mấy ngôi mộ của quý tộc Phạm Đăng, là ngoại thích của vua Tự Đức, vẫn khư khư chống chọi mà chịu đựng với tuế nguyệt, chớ những rẫy cải xanh tươi, những đám bắp ngon ngọt, là những nguồn lợi của người ở trong giếng, thì không còn nữa.

Nhìn cảnh Sơn Qui suy sụp bây giờ, ai cũng phải chạnh lòng nhớ nhơn vật vẻ vang của Sơn Qui ngày trước.

Hồi giữa thế kỷ 19, sau khi Triều chúa Nguyễn ở Huế được nắm chủ quyền thống trị cả vùng đất Việt Nam này thì phân ranh chia mấy trấn, mỗi trấn chia mấy đạo, rồi đặt quan cai trị, cho nhân dân từ Quảng Bình trở vô được đem gia quyến đến khai cơ lập nghiệp.

Vùng Gò Công hồi đó gọi là Kiến Hòa đạo thuộc về trấn Định Tường, là Mỹ Tho bây giờ.

Cụ Phạm Đăng Xương một nhà học uyên thâm, gốc ở Hương Trà thuộc vùng Huế bây giờ, chở gia quyến vào Nam, chọn giếng Sơn Qui trong đạo Kiến Hòa làm chỗ định cư. Cụ đồn cây cất nhà và qui dân về ở chung quanh cụ. Điền địa phì nhiêu, trên giếng cải rau bắp đậu thứ nào cũng dễ trồng, dưới ruộng thì lúa cấy đám nào đám nấy cũng xanh tốt. Nhơn dân thấy vậy bèn tụ tập về đó ở làm ăn, gây cho Sơn Qui một thời phong phú thịnh vượng.

Cụ Phạm Đăng Xương thấy vậy mới mở trường dạy học. Người gần kẻ xa hay việc ấy thì lần lượt đến xin thọ giáo, vì đạo học của cụ Phạm vừa uyên thâm vừa hoạt bát, nên môn đệ của cụ người nào cũng nên danh. Thuở ấy người ta kính mến cụ nên kẻ lớn người nhỏ đều gọi cụ là “Kiến Hòa Tiên Sanh”.

Chừng qua đời, con của cụ là Phạm Đăng Long nối nghiệp mà dạy học.

Thịnh danh “Kiến Hòa Tiên Sanh” càng lừng lẫy hơn đời trước bởi vì cụ Phạm Đăng Long đào tạo môn đệ được nhiều người rất hiển đạt, như ba cụ Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô. Khi cụ Hoài Quốc Công Võ Tánh đến giếng Tre chiêu binh khởi nghĩa, ba cụ ra giúp làm phó tướng đốc lực, sau giúp chúa Nguyễn lập được đại công.

Cụ Nguyễn Hoài Quỳnh thi đậu khóa Tân Hợi (1791) mở đầu tại Gia Định cũng là môn đệ của cụ Phạm Đăng Long, sau làm quan lên tới những chức Nghệ An Hiệp trấn, Thanh Hóa Hiệp trấn, Thanh Hóa điện phụ đạo, Bắc Thành Binh Tào, chùng mất được tặng Chánh Trị Khanh.

Mà công lớn hơn hết của cụ Phạm Đăng Long là công cụ dạy người con của cụ, là cụ Phạm Đăng Hưng, khóa Bính Thìn (1796) thi đậu thủ khoa, được sung vào bộ Tham mưu chúa Nguyễn Ánh, luôn luôn theo chúa ra chinh phạt đàng ngoài.

Cuộc đại định đã xong, chúa Nguyễn Ánh lên ngôi cửu ngũ xưng hiệu Gia Long, thì cụ Phạm Đăng Hưng làm đại thần tại Triều đình Huế. Đến năm 1813, cụ được thăng chức Thượng Thư Bộ Lễ, và cụ ngồi địa vị ấy luôn cho tới khi cụ thất lộc, là năm 1825, về đời vua Minh Mạng.

Năm 1824 vua Minh Mạng đã có nạp con gái của cụ vào tiềm để làm vợ Đông cung Thái tử. Năm 1841, Đông cung lên ngôi xưng hiệu là Thiệu Trị, thì con gái cụ Phạm Đăng Hưng lên ngôi Hoàng Hậu.

Năm 1847 vua Thiệu Trị băng, Hoàng thái tử nối ngôi xưng hiệu Tự Đức, mới phong cho mẹ là con của cụ Phạm Đăng Hưng, chức Từ Dũ Hoàng thái hậu.

Vua Tự Đức lại truy phong:

1. Cụ Phạm Đăng Hưng tước Đức quốc công
2. Cụ Phạm Long tước Phước An Hầu
3. Cụ Phạm Đăng Dinh tước Bình Thành Bá
4. Cụ Phạm Đăng Tiên tước Mỹ Khánh Tử
5. Cụ Phạm Đăng Khoa tước Trung Thuận, Đại phu

Phủ thờ lập tại giồng Sơn Qui là lập để thờ 5 vị này, có 11 ngôi mộ của Phạm Tộc nằm phía sau phủ thờ.

Ấy vậy hồi thế kỷ 19, giồng Sơn Qui nổi danh và hưng thịnh là nhờ văn học uyên thâm của Phạm tộc, cũng như giồng Tre nằm gần đó nổi danh là nhờ tài oanh liệt của cụ Hoài Quốc Công Võ Tánh; ngày nay tại đó vẫn còn đền thờ.

Nhờ hai trường hợp đó, sau còn nhờ cụ Trương Công Định ẩn núp theo mấy giồng mà kháng chiến với binh đội Pháp khi nước Pháp mới chiếm trị vùng Gò Công, nên Gò Công mới được tiếng “Địa linh nhơn kiệt”.

Người nhờ đất mà kiệt?

Hay là đất nhờ người mà linh?

Hai vấn đề ấy ai muốn phân giải thế nào tùy ý”

Ông Hồ Biểu Chánh, làm quan thời Pháp, trải qua các miền Nam Kỳ, sống viết tiểu thuyết về cách ăn nết ở từ thành thị đến thôn quê. Ông Hồ Biểu Chánh viết ngay là Gò Công xưa là nguồn Khổng Tước, ông không cắt nghĩa “khổng tước” vì ông tin rằng, ai ai cũng biết đất Gò Công là gò những chim công.

Gò Công cùng với những cái gò vây bọc trung tâm huyện lỵ Tân Hòa xưa, nổi tiếng với gò Sơn Qui trung tâm khai hóa vùng Khổng Tước, ung đúc nhân tài và sản sinh mẫu nghi Đức Từ Dũ. Còn với Gò Tre là nơi Võ Tánh phát cò tổng nhưng *Khổng Tước Nguyên Võ* 孔雀原武 qui tụ anh hùng hào kiệt khắp nơi, lập nên đội quân Kiến Hòa 建和道 hơn một vạn người, bảo vệ nhân dân trong vùng trong 5 năm 1783 – 1788 để rồi về giúp Chúa Nguyễn Ánh năm 1788, thu phục lại Gia Định cùng năm 1788 và thống nhất đất nước năm 1802. Công đầu Nhà Nguyễn ghi cho Hoài Quốc Công Võ Tánh. Võ Tánh là huân thần số một của triều Nguyễn, ông quả là “*nhân kiệt*”. Chính nơi Giồng Sơn Qui, *Kiến Hòa Tiên Sanh*” cụ Phạm Đăng Long đào tạo môn đệ được nhiều người hiển đạt, như ba cụ Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô. Khi Hoài Quốc Công Võ Tánh đến Giồng Tre chiêu binh khởi nghĩa, ba cụ ra giúp làm phó tướng đắc lực, sau giúp chúa Nguyễn lập được đại công. Lỗi lạc khoa bảng và hanh thông sự nghiệp quan trường là cụ Nguyễn Hoài Quỳnh thi đậu khóa Tân Hợi (1791) mở đầu tại Gia Định rồi cụ Phạm Đăng Hưng, khóa Bính Thìn (1796) thi đậu thủ khoa, được sung vào bộ Tham mưu chúa Nguyễn Ánh, luôn luôn theo chúa ra chinh phạt đàng ngoài. Những danh tài đầu tiên Hồ Biểu Chánh đều kể ra không sót.

Trong chương này Hồ Biểu Chánh nhiệt liệt ca ngợi cụ *Võ Tánh*, dù không phải là người sanh trưởng tại Gò Công, nhưng là người về đây lập *Kiến Hòa Đạo* lầy lừng giúp công đầu trung hưng cho Chúa Nguyễn. Chính *Võ Tánh là vị anh hùng đầu tiên đưa địa danh Gò Công vào Quốc sử*. Vậy nơi Võ Tánh phát cò “*Khổng Tước Nguyên Võ*” là “*địa linh*”.

Tôi trích y như chương “một” cuốn tiểu thuyết của ông coi như trang sử vàng của quê tôi với những nhân tố tích cực, rõ ràng, không khoa đại hay cục bộ.

Đoạn chót ông cũng dành kể về cụ *Trương Công Định* cũng về đây nương miền đất này mà kháng chiến để tiếng muôn đời.

Đất và người hợp với nhau phải chăng không là *Địa linh nhân kiệt* 地靈人傑!

Phần này, tôi nhận xét, giờ người Gò Công hãnh diện thêm, Gò Công là quê hương của *Nam Phương Hoàng Hậu* nữa và mừng vì đất lành sanh hai bậc mẫu nghi. Thế cũng là điều tốt không ai tránh tròn, nhưng những gì thuộc về Sử thì phải có cứ liệu rõ ràng. Riêng ông Hồ Biểu Chánh (1885 – 1958) viết cuốn tiểu thuyết này năm 1955, không có chữ nào đề cập đến *Nam Phương Hoàng Hậu* người gốc Gò Công cả. (Nếu thuận tiện tôi sẽ in cuốn *Hương Thơm Miền Nam* đề cập đến các nguồn sử liệu về vấn đề này).

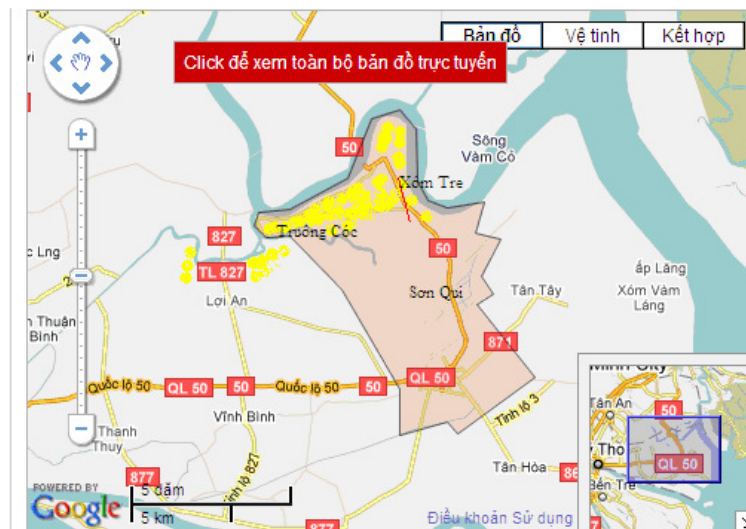
B. Sử thi: Sơn Qui – Trưông Cóc

Người đọc không phải là người Gò Công làm sao biết được thế đất liên hoàn *Sơn Qui – Trưông Cóc*, mặt trận chánh của cuộc kháng chiến chống Pháp của Trương Công Định thời đầu Pháp xâm lược (1861 – 1864).

Mây giăng Trưông Cóc đường quan vắng

Trăng xế Gò Rùa tiếng đầu tan.

Hai câu thơ trong 12 bài thơ điệu Trương Tướng Công của cụ Đồ Chiểu đã khái quát cho bối cảnh tiểu thuyết *Hai Vợ* này. Cái *đường quan* tác giả đã nói ở trên rồi, giờ vẫn biết là con đường từ Sơn Qui đi Mỹ Lợi. Còn *Trưông Cóc* chúng ta sẽ biết khi trích đoạn có trang sử hào hùng dân miền Trưông Cóc đánh Tây.



Sơn Qui, nơi phát tích nhân tài, hoàng hậu, trong các năm 1861 – 1863 là tổng dinh ông Trương chống Pháp, nghĩa quân dùng cái đầu lớn bằng sắt nấu com, ban đêm treo cái đầu lên và làm keng đánh tiếng cầm canh. Khi Trương công tuần tiết, Sơn Qui không còn tiếng đầu cầm canh nữa, nhưng tiếng đầu xưa vẫn vọng mãi. Và đây ông Hồ Biểu Chánh vẽ lại *Trưông Cóc* và trang sử vô danh nhưng hào hùng của nó. Giờ Trưông Cóc đã mất dạng nhưng Xóm Tre, cái xóm giáp phía Đông Bắc của Trưông Cóc nơi ung đúc tinh thần bất khuất của người dân thôn xóm tự lực chận đánh Pháp qua Trưông Cóc vẫn còn là Xóm Tre. Xin đọc:

“Thuở đó, xóm Tre này là một xóm dân cư trù mật hơn hết trong Huyện Tân Hòa. Nhà ở trong xóm kể tới vài trăm, mà nhà nào nếu không giàu thì đủ ăn, chớ không nghèo lắm.

Sở dĩ xóm Tre dân số đông, sinh hoạt dễ, ấy là nhờ vị trí có nhiều bề thuận lợi hơn xóm khác. Trước xóm có sông Bao Ngược tôm cá không thiếu gì. Dọc theo mé sông là dừa mọc đám nào đám nấy đầy bít, đốn lá đó mà lợp nhà, khỏi đi đâu xa cho mất công. Có nhiều rạch và xẻo từ ngoài sông cái đâm vô xóm giúp cho ghe ra vô rất dễ.

Còn phía sau xóm thì ruộng đất đã khai khẩn lâu năm rồi, hễ cày cấy thì chắc có lúa, khỏi lo thất mùa đói rách. Hết ruộng thì tới rừng, cái giăng rừng Truong Cóc cây cối không biết làm gì cho hết. Người ta nhờ đó mà có cột, có cây cất nhà, lại thêm có củi mà chụm. Lại phía Rạch Nhỏ, gò Xoài gần đó, hễ đến tháng 11, tháng chạp nước mặn dưới sông Bao Ngược tràn lên ruộng, chèn nước giết ruộng khô, muối đọng cùng trên mặt đất. Người ta xúc muối đó gánh về nấu đặng lọc lại mà dùng, khỏi xuất tiền mua hay là gánh lúa đi đổi.

Dân xóm Tre đương vui vẻ với cảnh đời ấm no yên tĩnh thỉnh thoảng ông Thuận nói chuyện Tàu Pháp chở binh do cửa Cần Giờ và hạ thành Gia Định, thì ai nấy tuy miệng nói cứng, song trong bụng có hơi lo. (Hai Vợ - Chương 3)

.....

Và đoạn này ông Hồ Biểu Chánh viết khúc dạo đầu bản anh hùng ca của Xóm Tre – Truong Cóc đánh Tây:

“Nhân dân ở trong nguồn Khổng Tước, trước kia nhờ Kiến Hòa tiên sanh ở Sơn Qui tiếp nhau mấy đời mà gieo rắc đạo thuần túy trong các xóm làng, rồi lại còn nhờ Hoài Quốc công Võ Tánh treo gương anh dũng sáng ngời ở Giồng Tre nữa, bởi vậy đàn ông cũng như đàn bà, người già cũng như người trẻ, cả thấy đều mến đất nước, yêu giống nòi, biết ham nghĩa nhân, dám liều sanh mạng để cứu dân giữ nước. Trước gặp nội loạn Tây Sơn, người đem nghề văn, kẻ đem nghiệp võ giúp cho triều đình bình loạn phục hưng. Nay nghe có giặc ngoại xâm, lại càng thêm hăng hái đoàn kết làm một khối mạnh mẽ để chống với giặc.

Phải có lòng yêu quê hương lắm nên ông Hồ Biểu Chánh viết văn tiểu thuyết mà chuyển thành văn khải cứu lịch sử địa phương. Truyền thống “giữ gìn tấc đất ngọn rau” được ông nêu rõ “Trước gặp nội loạn Tây Sơn, người đem nghề văn, kẻ đem nghiệp võ giúp cho triều đình bình loạn phục hưng. Nay nghe có giặc ngoại xâm, lại càng thêm hăng hái đoàn kết làm một khối mạnh mẽ để chống với giặc”.

Chỉ là một xóm quê mà một lòng một dạ như thế là do đâu?

Ông giải đáp:

Nhân dân sẵn có ý chí như vậy, nên công cuộc sắp đặt để phòng thủ Xóm Tre được tiến hành rất dễ dàng.

Ông Thuận sai Tư Cầu đi mời nhóm tại sân ông Bá hộ Cầm thì mỗi nhà đều có chủ nhà hoặc đàn ông hoặc đàn bà đến dự mà nghe nói chuyện. Ông Bá hộ, Ông Thuận với Phó Tha làm đầu cuộc hội hiệp này, nhưng biểu Lê Hữu Hào thay mặt báo tin cho bà con trong xóm hay binh đội Pháp đã chiếm thành Gia Định. Cử tọa nghe tin thì xao xuyến, Hào hơn người ta xúc động mới bày tỏ các cách của người trưởng thượng trong xóm tính sắp đặt bảo thủ sanh mạng và tài sản chung với nhau. Ai nấy đều bằng lòng góp sức vào cuộc công ích đó, không có một người nào thoái thác.

Hào đã có dự bị giấy, viết, mực sẵn sàng, liền hỏi từng nhà mà biên tên tuổi đàn ông. Biên đủ rồi đếm lại thì được:

58 người cường tráng từ 18 tuổi đến 40 tuổi.

47 người từ 41 tới 60 tuổi,

12 người già từ 61 tuổi sắp lên.

Tiểu thuyết ông đặt tên là “Hai Vợ”, người đọc và tôi ban đầu chỉ tưởng là chuyện “tục lệ hơi xưa” của dân mình, đọc tới đây mới hơi nắm bắt được ngọn nguồn, cũng do “tình hình của đất nước” và hoàn cảnh của nhân vật chính trong truyện bị buộc phải gặp nghịch cảnh. Xin xem tiếp người Xóm Tre chuẩn bị chống giặc.

“Hơn 20 người đàn ông rảnh rang nên tình nguyện đi đồn cây để làm nọc. Còn tập luyện võ nghệ và đặt rèn binh khí thì ai cũng chịu hết.

Cuộc nhóm xong rồi người trong xóm rã ra mà về. Ông Bá hộ mời riêng Phó Tha với hai cha con Ông Thuận ở lại dùng cơm với ông dựng sắp đặt việc công.

Hai Chỉ lên vàm sông Tra thương thuyết với thợ rèn Phi thì chú thợ chịu dọn đồ xuống ở dựng rèn binh khí. Ông Bá hộ kiếm một chỗ đất trống, biểu bạn² trong nhà đồn cây lá mà cất cái trại để làm lò rèn. Trong ít bữa trại cất xong, ông cho người chèo ghe lên rước thợ Phi và chỗ đồ đạc xuống, rồi khởi công rèn binh khí liền.

Trần Khoan là thầy nghề võ ở giếng Tháp đã có hứa hẹn với chú Phó Tha nên đúng ngày hẹn thầy cũng lên tới. Phó Tha dắt lại giới thiệu với ông Bá hộ thì ông tiếp rước mà nuôi trong nhà. Ông dắt đi lựa một cái sân lớn ở giữa xóm để làm võ trường. Mấy người trai trẻ trong xóm ráp lại dây cỏ, ban đất cho bằng phẳng, rồi bắt đầu tập dượt.

Cây đồn trong rừng chỗ về thì hạng người 41 tuổi sắp lên lãnh lo cửa khức mà đóng nọc hoặc cấm rào, để chặn các nẻo vô xóm.

Ai cũng phải tập võ nghệ hết thầy, nhưng ngoài việc đó mỗi người còn phải có phận sự riêng để có rảnh việc nhà thì phải giúp công vào ra phòng thủ.

Lê Hữu Hào làm như thợ kỹ trong xóm, tuy vậy cũng phải tập võ như người ta, song khỏi làm công việc nặng nề cực nhọc. Nhưng mà mỗi ngày chàng phải đi một vòng để xem xét mọi việc, xem tập võ, xem rèn đồ, xem đóng nọc rồi đi luôn ra nhà ông Bá hộ dựng cho ông hay coi có việc chi trắc trở hay không.

Ông Bá hộ thấy tất cả anh em lớn nhỏ trong xóm đều xuôi thuận theo ý ông, ai cũng tận tâm giúp công sức vào cuộc phòng thủ thì ông lấy điều hài lòng. Ông muốn làm cho trong xóm hiểu đương lúc gặp nạn dân ách nước phải coi nhau như con một nhà, phải giúp đỡ nhau, đừng nghi kỵ nhau, bởi vậy ông định xuất tiền mà trả tiền công cho thợ rèn binh khí, ông không cho ai trả tiền hết. Ông lại rao cho trong xóm biết, ai thiếu lúa ăn thì đến nói với ông mà mượn mà qua mùa gặt sẽ trả lại cho ông chẳng cần phải đi mua tốn tiền.

(Hai vợ - Chương 4)

Trong tiểu thuyết, Lê Hữu Hào là nho sinh thụ nếp gia giáo, ý thức chống giặc rất rõ, còn ở địa phương thì góp phần đắc lực, rèn cả võ và sẵn sàng chiến

² Dân Gò Công xưa nói “bạn” tức người làm công, giúp việc

đầu. Anh là niềm kỳ vọng tin tưởng trong việc phòng thủ của xóm. Cả người giàu trong xóm như ông Bá Hộ cũng được dân chúng cậy nhờ. Xóm Tre có những con người *đơn độc chuẩn bị chống ngoại xâm*” như thế mà không tạo được một bản anh hùng ca sao! Và đây bắt đầu:

Bản anh hùng ca Xóm Tre – Truong Cóc:

“Vừa hết mùa khô, thành linh có tin đến xóm Tre nói rằng binh ta đã thất đại đồn Chí Hòa, sau một cuộc quyết chiến kéo dài tới mấy ngày đêm. Hai bên đều bị tổn thất nặng nề, nhưng giặc lại nhờ có súng nhiều và đại bác thần công mạnh quá bắn nát đồn lũy của ta hết. Binh ta không có chỗ nương dựa mà kháng cự tự nhiên phải đổ, một phần phải qua sông Bến Nghé thối lui về hướng Biên Hòa, nhưng phần lớn thì tán loạn chạy về mé Ba Cụt, Bến Lức.

Tin bất tường ấy làm chấn động cả xóm Tre. Nhân dân xao xuyến hỏi nhau, bây giờ phải làm sao. Ông Bá hộ sợ dân tán đồn ngã lòng mà gây thêm tai họa, bèn cho mời ông Thuận với Phó Tha mà ra định kế tấn thối.

Ông Thuận nói:

- Binh giặc chắc đông lại có súng nhiều nên trên Gia Định quan ta có cả muôn binh mà chống giữ đại đồn không nổi đến phải đổ. Mình ở xóm Tre kể hết già trẻ chỉ có một trăm, lại cầm dao mác, chớ không có súng. Tình thế như vậy nếu giặc đến đây làm sao mà chống cự cho nổi binh giặc cũng có lẽ đôi ba trăm, mà xuống đây chắc giặc sẽ đi tàu. Xóm mình nằm sát mé sông cái, nếu giặc ở dưới tàu sạ súng vào xóm thì mình chết hết, chết vô lối, vì có được xấp gần mà đâm chém giặc được đâu. Không phải tôi nhát mà kiếm kế cho anh em trong xóm ngã lòng, đợi giặc tới mà ta bái quy mà xin đầu giặc. Năm nay tôi đã 62 tuổi rồi đầu có chết cũng nên cái mồ. Mà chết với đất nước thì vinh dự quá, chết như vậy đáng chết lắm chớ. Ngặt cái chết vô ích tôi không chịu. Phải làm sao đánh vui với giặc, phải giết giặc cho được rồi đầu có chết tôi cũng vui lòng.

Ông Bá hộ với Phó Tha đông khen ông Thuận nói phải, nhưng không tìm ra kế cho dân trong xóm xấp lại với giặc mà đánh, song khỏi bị súng đạn.

Ông Thuận mới nói:

- Tôi muốn bàn kế này: nếu hay tàu giặc vô sông Bao Ngựợc thì hết thấy những đàn bà con nít cùng hạng già cả phải chạy hết vô trong rừng rồi tản mác trốn. Còn tốp trai trẻ cường tráng thì thối vô Truong Cóc mà mai phục hai bên truong. Nếu giặc đánh huyện mình tự nhiên chúng phải đổ lên đây rồi do ngã Truong Cóc mà kéo binh vô huyện lỵ. Chúng phân binh đi qua Truong thì dân mai phục ở đó xông ra mà đánh. Chúng bị kích thành linh tự nhiên phải loạn hàng ngũ. Mình thừa thắng mà giết từng tốp. Làm như vậy chắc chắn giặc sẽ đại bại.

Ai nấy đều cho chiến lược đó là hay nhất, nên quyết áp dụng mà trừ giặc.

Nhưng mà ông Bá hộ suy nghĩ rồi hỏi ông Thuận:

- Mình phải vô rừng vô Truong hết rồi nhà cửa lúa thóc trâu, bò bỏ hay sao?

- Để đó không hại gì.
- Sợ giặc đốt quá chớ.
- Mình ở lại đó cũng không giữ nổi, mà còn phải chết vô lỗi nữa.

Ông Bá hộ dự dự không đành bỏ nhà cửa nhưng ông không tìm ra kế nào khác để giữ cửa mà khỏi chết, bởi vậy ông phải lặng thinh mà chịu.

Bây giờ phải cắt người thay phiên nhau mà canh chừng tàu luôn ngày đêm, hễ thấy tàu thì đánh mõ cho hay đừng kéo nhau vô rừng vô Truông.

Canh cả tháng mà không thấy tàu bè chi hết, dân canh tự nhiên vãi đãi. Một bữa, lúc gần sáng có hai chiếc tàu chạy vô mà người canh ngủ quên không hay. Chừng tàu chạy khỏi xóm Tre rồi có người thức dậy sớm thấy mới la lên. Nhưng nghĩ tàu không ngừng mà đổ bộ nên không cho người canh đánh mõ báo động. Tuy vậy mà nghe sạo sục trong xóm ai cũng hay hết, nhưng hay rồi kéo nhau ra mé sông ngó 2 chiếc tàu vẫn chạy luôn bởi vậy không có người nào tính rút vô rừng.

Ngày đó dân trong xóm Tre cứ dục năm dục bảy mà bàn luận, không ra ruộng, không đi câu, song cũng không nghe có việc chi hết.

Cách hai ngày mới hay hai chiếc tàu đó chở binh Pháp vào Vàm sông Tra và chiếm huyện lỵ Gò Công. Lính đóng mấy đồn Gò Gừa và Sơn Qui không chống cự, nên giặc không có bắn một phát súng.

Nhân dân xóm Tre nghe như vậy tức quá, tiếc giặc không đổ bộ xóm mình đừng gây ra trận Truông Cóc cho giặc ghi nhớ phải chết sống mới đoạt nguồn Khổng Tước được.

Tuy vậy mà bắt đầu mọi người chán nản. Mà trong ít ngày sau càng chán nản hơn nữa, và lần lượt nghe huyện Cần Giuộc bị giặc chiếm rồi phủ Tân An cũng mất nữa, sau hết lại hay phủ Định Tường cũng không còn.

Ông Bá hộ ngồi khoanh tay rầu rĩ tới ngày. Ông Thuận với Phó Tha bực tức mà đau, tức không biết Triều đình ở đâu, quan quyền làm việc gì để cho ngoại bang hống hách hoành hành mà chiếm đất đoạt thành như vào nhà không chủ.

Ông Thuận còn đau khổ về nỗi con; đại đồn đã thất thủ, đại binh đã tan hoang mà Hào ở đâu sao không thấy trở về, còn sống sót mà tản lạc theo đám đại binh để lập thế phục thù hay là chốn sa trường đã ngã gục, phơi thây chiến sĩ. (Hai vợ - Chương 5)

.....

Phó Tha mới nói:

- Ông Nhiều hay tôi ở xóm Tre vô thăm tin tức của cháu Hào, thì ông niềm nở dữ lắm. Ông hỏi người nhà nấu cơm cho tôi ăn. Ông nói năm trước ông nghe cháu Hào vô thuật chuyện nhân dân xóm Tre đông tổ chức cuộc phòng thủ để nghinh địch, thì ông khen lắm, khen bà con mình nhiệt bảo tâm cứu quốc cứu dân. Ông nghe triều đình bất lực để thua trận Chí Hòa rồi e rằng không dám tính chuyện kháng chiến đánh đuổi giặc, nên lo năn nỉ với quan Pháp mà nghị hòa, thà xuất tiền chuộc mấy tỉnh đã mất và chịu tổn phí cho quân đội Pháp chớ không dám chống cự nữa. Hạng sĩ phu của mình đều hết thấy bất bình, bởi vậy có nhiều anh hùng nghĩa sĩ không thèm kể tới triều đình nữa, họ vận động khuyến dân theo họ đừng đánh đuổi binh Pháp mà lấy đất nước lại. Có ông Quản Định

đương chiêu mộ nhân dân trên vùng Rạch Lá đã được mấy ngàn, nay mai gì đây sẽ kiếm xuống đánh úp Gò Công đang đuổi binh Pháp khỏi xứ. Ông Nhiều nói binh Pháp đóng trong huyện mình chừng 100 chớ không có nhiều. Binh của Quản Định kéo xuống quét sạch dễ như chơi. Mà hễ binh Pháp thua thì chắc họ chạy ra phía Bao Ngựợc đang kiếm thuyền mà về Cần Giuộc gặc Gia Định. Vậy ở xóm Tre nếu nghe binh ta đánh úp Gò Công thì trai trong xóm, đã có tập luyện sẵn rồi hết thầy đều vô Truông Cóc mai phục, chờ tàn binh của Pháp chạy ngang qua thì đánh mà bắt hết. Ông Nhiều cũng sắp đặt cho dân Sơn Qui chặn phía trong mà đánh trước; đón từ chặng như vậy thì binh Pháp không lọt khỏi. Ông Nhiều căn dặn như vậy. Ông biểu tôi nói lại như vậy cho bà con trong xóm hay đang sắp đặt trước mà rửa cái nhục thất bại giùm cho mấy ông trên Chí Hòa năm trước.

Ông Thuận nghe nói việc mai phục tại Truông Cóc đang bắt giặc giống như kế của ông bày hồi năm ngoái, thì ông đắc chí, ông quên việc bất tin của con ông, mà ông cũng quên cặp mắt đã mù quáng hết đi đâu được nữa. Ông vỗ ván mà nói lớn:

- Dịp may đã đến cho dân xóm Tre mình rồi. Mình nên cảm ơn ông Nhiều Hiên cho mình cái tin ấy. Thiệt nghe tin này tôi muốn xé mây mà tôi đi.

.....

Ông Bá hộ nói:

- Theo lời ông Nhiều nói, thì chưa biết chắc bữa nào ông Quản Định đem binh đánh úp Gò Công. Không lẽ mình bắt dân trong xóm mỗi ngày phải vô Truông Cóc mà chờ hờ hoải cho được. Phải để cho dân làm ăn chớ. Còn cái này nữa chờ lâu quá mà không thấy gì hết, dân mòn chí, rồi tới việc tự nhiên giảm hăng hái. Vậy tôi tính như vậy: ngày mai cho người đi thuyền rao cho bà con trong xóm từ 18 đến 45 tuổi hay rằng sắp có giặc đi qua Truông Cóc nhưng chưa biết chắc đi qua ngày nào. Những người trong hạng tuổi đó phải sửa soạn binh khí cho sẵn. Chừng tôi biết chắc ngày nào, giờ nào phải mai phục thì tôi đánh mõ. Hễ nghe mõ thì tự hết sân tôi, tay cầm binh khí hấn hoi, rồi có người dắt vô Truông Cóc.

Ông Thuận nói:

- Phải có thằng Hào về, nó lo việc này cho mình thì tiện quá.

Ông Bá hộ nói:

- Để tôi sai thằng Kỳ nó đi truyền rao trong xóm hay. Chừng đi mai phục tôi biểu nó dắt dân đi cũng được, chớ tại già mình lụm cụm không đủ lệ làng mà làm mấy việc như vậy được. Còn việc muốn biết chắc bữa nào giặc sẽ chạy qua Truông Cóc, cái đó khó một chút. Chớ chỉ có thằng Hào thì tiện nhiều. Bây giờ không có nó tôi muốn cậy anh Phó nghĩ chon một bữa rồi đi giùm một lần nữa.

Phó Tha hỏi:

- Ông Bá hộ muốn tôi đi đâu? Mai tôi đi được mà. Có một mỗi gì đâu mà nghĩ.

- Anh đã quen với ông Nhiều rồi. Tôi muốn ngày mai anh nghĩ một bữa rồi sáng một anh chịu khó trở vô Sơn Qui nữa. Anh thay mặt cho anh em lớn nhỏ ở xóm Tre mà cảm ơn ông Nhiều cho mình tin quan hệ đó. Anh cho ông biết bà con mình sẵn sàng phục kích

tại Truông Cóc, y theo lời ông dặn, song mình phải biết chắc bữa nào sẽ có giặc chạy ngang qua đó dựng mình mai phục. Vậy anh em mình xin ông làm hơn hễ ông Quản Định huy động nghĩa binh khắc phục Gò Công thì ông muốn người chạy ra xóm Tre báo tin cho mình hay liền, dựng mình gom dân mai phục Truông Cóc. Tiên muốn đó hễ người báo tin ra đây thì tôi trả. Tôi không để cho ông tốn hao. Được như vậy thì tiện cho mình lắm.

- Được mà. Tôi sẽ trở vô Sơn Qui nữa cho. Sáng một tôi đi.

Ông Thuận nói:

- Hữu sự mà cặp mắt tôi hết thấy đường, buộc tôi phải ngồi một chỗ thiệt tức quá. Nhưng tôi đi phục kích không được, thì tôi sẽ biểu thằng Tư Cầu đi thế cho tôi.

Phó Tha ăn cơm rồi. Ba ông bàn tính một hồi nữa, rồi ông Bá hộ với Phó Tha từ giã chủ nhà mà về.

Ông Bá hộ sai con Hai Kỳ đi khắp xóm mà truyền huân lệnh cho dân hay theo ý của cha định. Ai cũng hăng hái làm phận sự dựng trả nợ non sông, không ai thôi thác.

Phó Tha trở về Sơn Qui nói chuyện với ông Nhiều Hiên. Ông Nhiều hứa hễ ông hay tin ông Quản Định huy động nghĩa binh thì ông sẽ sai người ra xóm Tre báo động liền.

Cuộc chuẩn bị chống quân xâm lăng của Xóm Tre được nâng tinh thần do cuộc kháng chiến qui mô của Quản Định, bởi vì mặt trận của cuộc kháng chiến trải từ phía Tây Bắc Gò Công, tức phía Tây của Xóm Tre, đến Rạch Lá, một con rạch của Sông Tra là con sông ranh giới Gò Công và Tân An:

“Thiệt quả cách mười ngày sau. Quản Định ở vùng Rạch Lá đem binh vây bắt Thiên Hộ Huy là tên phản quốc dắt binh lính bắt giết Huyện Toại, là một chiến sĩ ái quốc đương chiêu mộ nghĩa dũng chống với giặc xâm lăng. Quản Định đem Thiên hộ Huy ra trước đình làng mổ bụng Huy cúng tế vong linh Huyện Toại, rồi làm lễ tế cờ và dắt hơn hai ngàn nghĩa binh cờ trống堂堂 hoàng, mác dao sáng ngời, rầm rộ kéo xuống Gò Công, quyết tử chiến với giặc một trận.

Số binh Pháp chiếm giữ Gò Công có hơn một trăm, chó không đông, thỉnh linh hay binh nghĩa dũng đông quá, phân làm hai cánh kéo tới hùng hào rầm rộ thì mất tinh thần. Tuy có súng song số binh ít quá, sợ giặc bao vây rồi xung phong đánh xáp lá cà không thể cự nổi, bởi vậy quan chỉ huy truyền lệnh thôi lui ra phía Bao Ngựợc dựng sai người về Gia Định báo ngay và xin binh tiếp viện. Đạo binh Pháp ra tới Sơn Qui bị nghĩa binh mai phục tại đó đánh một trận làm cho rã làm hai tốp. Tốp xuống Giồng Tháp bị dân ở đó đánh làm tổn thương hết một mớ còn lớp đi ra Truông Cóc, thì bị dân xóm Tre xông ra vây đánh một trận nữa, làm cho binh giặc hao hết phân nửa.

Năm 1862 - 1863, quân Kháng chiến của Quản Định đặt tổng dinh tại Gò Sơn Qui, lực lượng chánh do Quản Định chỉ huy rất có qui củ nên thắng Pháp. Uy tín của Quản Định nổi lên như cồn, được coi là “linh hồn của ba tỉnh miền Đông đã mất”.

Đoạn trên, cho biết quân Pháp bị nghĩa quân đánh tan tại Sơn Qui nên rã làm hai cánh, một cánh chạy thẳng phía Bắc ra Trùng Cốc, nơi dân Xóm Tre sẽ chặn đánh chúng, cánh thứ nhì giạt qua phía Đông theo rạch Sơn Qui đến Giồng Tháp, thôn Tân Niên Đông cũng bị dân quân ở đấy đánh cho tơi bời. Hiện tại Giồng Tháp, giờ thuộc xã Tân Tây, có miếu, người ta kể là thờ ông Trương và dân quân kháng chiến. Trận Trùng Cốc - Xóm Tre là trận thật sự thời Pháp vô, không phải là trận hư cấu của ông Hồ Biểu Chánh. Ông Hồ Biểu Chánh là nhà văn, nhưng khi đọc các đoạn trên dưới này thì ta tưởng như là bản tường thuật của nhà quân sự. Ông Hồ Biểu Chánh, lúc nhỏ 1890 trở đi được những người già ở quê hương ông, làng Bình Thành, giáp ranh làng Bình Xuân, Tân Niên Trung và cả làng Bình Thạnh Đông, đã chứng kiến hay tham gia chống Pháp thuật lại.

Ở Trùng Cốc giặc thất nặng là vì giặc không biết đường sá, còn rừng thì rậm rạp hoang vu; dưới chơn thì đất sinh lầy lội hút đầu gối, còn ở trên thì cây xàng xiu day trở không được. Dân ta quen biết chỗ ẩn núp rồi lui tới lẹ làng làm cho binh địch không biết đầu mà bắn, nên có súng mà phải thua mác thông chĩa nhọn.

Hai bên rượt nhau đánh tới tới, rừng rậm hết thấy nhau, dân xóm Tre mới hú hí kêu nhau, ra về, gần nửa canh một mới tới nhà ông Bá hộ.

Ông Bá hộ với Phó Tha ở nhà chờ tin tức đã có dạy người nhà làm thịt một con heo mà nấu com sẵn để cho quân. Nghĩa binh về từng tốp, ai về trước thì ăn trước, ai về sau thì ăn sau. Ông Bá hộ với Phó Tha nghe tin xóm Tre đại thắng thì vui mừng hết sức.

Qua canh hai không còn ai về nữa, mới kiểm điểm lại thì thiếu hai người Tư Câu với tên Giác, là con trai của Hai Chỉ, hai người đó không có về. Ai cũng lo ngại, sợ hai người đã tử trận còn số đã về rồi có 7 người bị thương, nhưng có hai người bị nặng, một người bị đạn tại bắp vế và một người bị đâm tại cánh tay, còn năm người bị thương nhẹ không đáng kể gì. Ai cũng nói bên địch chết và bị thương ít lắm cũng ba chục người.

Ông Bá hộ biểu thân hơn mấy người bị thương đem bệnh hơn về điều dưỡng, ông hứa sẽ giúp tiền cho uống thuốc.

Ăn uống rồi chiến sĩ ai cũng rã ra ai về nhà nấy. Phó Tha cũng về, nói sẽ đi thắng lại báo tin cho ông Thuận mừng. Còn Tư Câu với Giác không về thì anh em nói để sáng rồi sẽ đi kiếm.

Đến sáng ông Bá hộ vô nhà Ông Thuận mà phân ưu về sự Tư Câu không về

Đọc tới đây tôi ngừng lại, tôi phục cái tinh thần chịu đựng của dân quê mình, tiền người thân ra đi, chờ tin và người thân không về nữa!

Ông Thuận nói:

- Tôi nuôi thằng Cầu từ nhỏ đến giờ, vì nó khùng khịu nên tôi thương lắm. Nếu rui nó tử trận thì thôi. Mà chết vì nước thì vinh quang quá có gì đau mà buồn.

Một lát Phó Tha lại nữa. Ông nói với hai ông bạn rằng Hai Chỉ với một người nữa giả dạng tiêu phu đã lập thế vào rừng đặng kiếm tên Giác và Tư Câu. Ông có dặn hai người phải cẩn thận vì binh giặc đêm nay có lẽ còn lẫn quẩn trong rừng. Nếu mình vô ý ắt phải bị chúng bắt.

Thiệt quả gần nửa buổi. Hai Chỉ với người bạn hào hển chạy về nói giặc còn ẩn núp trong rừng. Khi hai người vô gần tới mé rừng, thì giặc ở trong bắn súng ra, nên hai người phải chạy thôi, lại mới khỏi bị đạn. Ai nấy đều khuyên đừng vô rừng nữa, nên coi chừng giặc đi hết rồi sẽ hay.

Cách ba ngày sau ở xóm Tre người ta thấy có một chiếc tàu lớn với cả chục tàu nhỏ đậu tại Vàm Rạch Nhỏ. Đến trưa chỉ có ba chiếc ở lại còn bao nhiêu thì chạy luôn về phía Sông Tra.

Dân xóm Tre lo sợ giặc kêu binh tiếp viện đặng phản công xóm mình nên ai nấy lao nhao, muốn chờ đến tối sẽ lấy ghe đưa hạng già và giới đàn bà con nít đi kiếm mấy rạch nhỏ mà ẩn núp. Té ra đến xế chiều có người rình coi thì thấy binh lính dìu dắt nhau đi xuống tàu rồi tới ba chiếc tàu đậu tại Vàm Rạch Nhỏ kéo neo chạy lên phía sông Tra nữa.

Bây giờ người ta mới đoán chắc đoàn tàu chạy qua để ba chiếc ở lại tại Rạch Nhỏ đặng tom góp tàn binh thất trận hôm nọ mà chờ đi, còn bao nhiêu thì vô đánh chiếm Gò Công lại.

Thật vậy, bữa sau ông Nhiều Hiền cho người ở Sơn Qui ra thông tin cho xóm Tre hay viện binh Pháp đi khắc phục Gò Công. Chúng bắn súng thần công nà quá, nghĩa binh của quan lớn Trương Công Định không thể chống cự nổi, nên phải rút lui, một phần chạy xuống phía Cầu Muống, còn một phần vào ẩn núp trong mấy đám lá "Tối trời" dọc theo mé sông cửa Tiểu.

Đọc tới đây ta biết thời điểm Pháp tung quân các mặt đánh lui nghĩa quân các mặt ngày 25/2/1863 để chiếm Gò Công do Phó đô đốc Bonard chỉ huy. Trương Công Định phải rút tàn quân về vùng Gia Thuận lúc đó thuộc thôn Tân Phước, mặt đông bắc Gò Công.

Ông Bá hộ với Phó Tha nghe tin ấy thì buồn nhưng chắc giặc đã bỏ giăng rừng Truong Cóc rồi, mới để dân xóm Tre vào kiếm Tư Câu với tên Giác. Dân ruộng kiếm cả ngày, gặp thây chết rải rác đến vài chục, nhưng thây nào cũng rục rã không nhìn được.

Ông Bá hộ cũng như Ông Thuận với Phó Tha đoán chắc tên Câu với tên Giác đã tử trận. Ông Bá hộ hiến hai con heo cho anh em làm thịt cúng chiến sĩ vị quốc vong thân, rồi ăn uống với nhau một bữa. Ông cho vợ chồng Hai Chỉ 200 quan tiền, giúp mấy người bị thương mỗi người 10 quan tiền đặng mua thuốc uống.

Hôm nay không có Tư Câu nữa, cô Quyên phải ở luôn ngày đêm tại nhà cha chồng đặng chăm nom giúp đỡ ông.

Cúng Tư Câu với tên Giác xong rồi tới lại ông Bá hộ Cầm vô thăm ông Thuận, đi ngang nhà Phó Tha, ông kêu Phó Tha đi với ông.

Truông Cóc hồi xưa là một địa danh gắn với sự vui buồn thịnh đạt của những lưu dân đến ở lại, đó là hồi năm 1756. Thời Pháp mới vô Truông Cóc, năm 1863, là nơi dân Xóm Tre gởi máu thịt mình thấm vào cho màu mỡ đất quê hương; trong hoạn nạn dân mình không bỏ nhau, một bài học thể thái nhân tình:

Vô tới nhà Ông Thuận, trước mặt Phó Tha với cô Quyên, ông Bá hộ nói:

- Bà con xóm Tre này đã làm tròn phận sự con dân đối với cỏ cây đất nước. Vậy cũng là vinh. Rất tiếc có hai nhà bị hại, anh sui đây với Hai Chỉ. Mà anh sui bị hại nhiều hơn, vì một đứa cháu tử trận lại thêm một thằng con cũng ra giúp nước mà mấy năm nay biệt tích không biết mất hay còn. Đã vậy mà anh còn chịu mù quáng nữa. Thiệt là khổ!

Ông Thuận động lòng nên rơi nước mắt mà đáp:

- Con với cháu tôi hiến thân dâng cứu dân cứu nước. Dầu hai đứa thiệt chết đi nữa, tôi cũng không than phiền. Ngặt thuở nay tôi nhờ thằng Cầu nó giúp tôi làm ruộng mới có lúa mà nuôi sống. Nay nó chết mà tôi lại tới hết hai con mắt, cái đó mới thiệt là khổ. Mấy bữa rày tôi muốn chết đi cho phứt để yên thân.

- Anh đừng thôi chí. Chết làm chi? Phải sống dựng nghe thế cuộc thay đổi cách nào chớ. Từ bữa thắng trận Truông Cóc mà Tư Cầu không có về với anh em trong xóm thì tôi đã có nghĩ đến việc nhà của anh rồi. Tôi tin nếu Tư Cầu chết thiệt, thì tôi sẽ kiếm một người khác về ở với anh dựng giúp anh trong việc ruộng nương. Còn việc trong nhà thì vợ chồng tôi đã quyết định để con Quyên ở trong này luôn dựng nó săn sóc lo cơm nước cho anh. Vì thời cuộc bồi rối nên vợ chồng nó chưa có lễ cưới. Nhưng một lời đã giao kết, thì trăm năm không được quên. Bể nào con Quyên cũng là dâu của anh. Đã vậy ngày Hào đi, con Quyên có hứa với Hào nó sẽ ở nhà thay thế chăm nom nuôi dưỡng anh, đâu Hào nó chết đi nữa, con Quyên cũng phải giữ cho vẹn lời hứa. (Hai vợ - Chương VI)

Độc tiểu thuyết mà chừng như đang đọc chiến sử. Ông Hồ Biểu Chánh về già khoắc khoải hồi tưởng thời oanh liệt bất khuất của người dân quê ông khi Pháp mới vô nên viết cuốn truyện này phải không? Cốt chuyện bình thường mà dàn trải trên bối cảnh người dân Sơn Qui – Truông Cóc – Xóm Tre quyết hy sinh chống Pháp. Những trang tiểu thuyết hóa thành bản anh hùng ca. Rồi có:

Cái kết buồn của bản anh hùng ca:

Trong vài năm tiếp đó, nhân dân ở vùng Gò Công từ Chợ Gạo xuống Vàm Láng cũng như từ Bao Ngự vô Cửa Tiểu, già trẻ đều sống trong khoảng đời khi mừng, khi sợ, khi giận, khi buồn.

Binh đội Pháp nhờ có súng lớn súng nhỏ, nên chiếm lại địa đầu. Nhưng nghĩa quân của cụ Trương Công Định có những vị đốc binh đang hoàng là các cụ Đốc Là, Đốc Lự, Đốc Tông gây cảm tình giữa dân gian nên phân binh tản mác trong xóm trong làng, nay ẩn chỗ này, mai ẩn chỗ khác khuấy phá khắp nơi, không để cho người Pháp bình yên mà sắp đặt cuộc cai trị được. Binh Pháp rần rộ kéo đi tảo thanh thì bị dân chúng gạt gẫm cho

lọt vào mấy ổ phục kích đang lâm nguy thọ hại. Tức giận đốt nhà cửa, giết thường dân, thì gây nên oán hờn chớ không gì.

Cụ Trương Công Định với Đốc Tòng, Đốc Lự, Đốc Là gây nỗi lo cho binh đội xâm lăng trót mấy năm, làm cho nhiều chiến trường như Cột Cờ, Lá Tôì Trời, Vàm Láng, Gia Thuận, Giồng Tháp, Sơn Qui, Trưông Cóc nổi danh trong lịch sử.

Sau người cầm binh Pháp dùng âm mưu xuất bạc mua lòng phản quốc của Đội Tấn, Đội Ngón, chúng chỉ chổ ẩn núp của cụ Trương. Binh Pháp đến vây chặt, cụ Trương không thể thoát thân, cụ phải dùng dao mà tự sát cho toàn danh quốc sĩ.

Nhân dân hay tin ấy đều rơi lụy. (Hai Vợ - Chương VII)

Quả ông Hồ Biểu Chánh viết cuốn tiểu thuyết **Hai Vợ** lúc về già, lúc ông nhớ nhiều và nhớ nhất là vùng đất xưa sanh ra ông. Ông viết tiểu thuyết nhưng thật là cuốn sử thi Sơn Qui – Trưông Cóc, mà hai câu thơ điệu Trương Trưông quân đã cô đọng thành tiếng thơ dài:

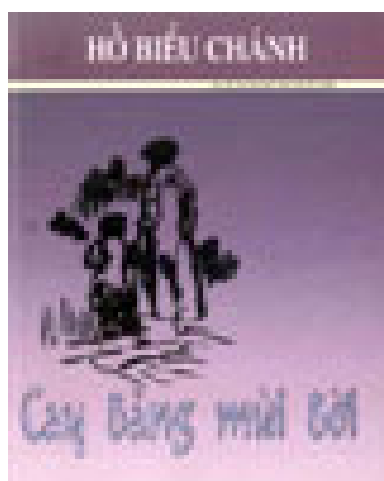
*Mây giăng Trưông Cóc đường quan vắng
Trăng xế Gò Rùa tiếng đầu tan*

Ngày nay, còn Sơn Qui và gần cuối con đường quan hồi xưa, cái Xóm Tre xưa thuộc làng Bình Thạnh Đông, nay thuộc xã Bình Đông, vẫn còn. Ông Hồ Biểu Chánh đã từng nhắc đến Xóm Tre trong một cuốn tiểu thuyết viết hồi ông còn trung niên.



Cầu Sơn Qui ngày nay (2011) bắt đầu con đường quan ngày xưa

2. CÂY ĐẮNG MÙI ĐỜI (1923)– DƯỚI SÔNG BAO NGƯỢC – TRÊN BỜ XÓM TRE



Tiểu thuyết **Cây Đắng Mùi Đời** được ông Hồ Biểu Chánh viết rất sớm. Ông lấy Xóm Tre làm bối cảnh ban đầu cho câu chuyện. Ông viết tiểu thuyết “Hai vợ” sau, và nhớ cái địa danh đặc biệt này.

“Ai đi đường Chợ Lớn xuống Gò Công hễ qua đò Bao Ngược rồi lên xe chạy ra khỏi chợ Mỹ Lợi tới khúc quanh, thì sẽ thấy bên phía tay trái cách lộ chừng ít trăm thước có một xóm đông, kêu là xóm Tre nhà ở chật, cái trở cửa lên, cái dáy cửa xuống, tre xanh kịch bao trùm kín mít, ngoài vuông tre thì ruộng bằng trang sắp liền từ giây, Qua mùa mưa cây đượm màu, ruộng nổi nước, thì trông ra chẳng khác nào cù lao nằm giữa sông lớn.

Đến nửa tháng năm trời mưa dầm dề ngày nào cũng như ngày nấy, Chiều bữa nọ trận mưa mới tan, bóng mặt trời chói chói phía bên đó, trong xóm nhà nhúm lửa nấu cơm chiều khói lên ngui ngút; tre nín nhau mừng trời mát lá giữ phất phơ. Ngoài đồng náo nức nông phu; bạn cày thá ví tiếng vang vầy, công cấy hát hò hơi lạnh lớt. Dưới sông Bao Ngược ghe chài chở lúa trương buồm trôi theo dòng nước, chiếc nào chở cũng khẳm lừ. Trên lộ Cây Dương xe ngựa đưa người núc ních chạy chậm rì, tiếng lục lạc nhỏ khua xa xa nghe như tiếng nhái.

Dưới cuối xóm, phía mặt trời lặn, có một cái nhà lá đã nhỏ mà lại thấp, muốn vô nhà qua cửa phải cúi đầu. Dựa bên nhà có một cái chuồng vịt, tuy xấu nhưng mà sạch, nên không hôi cho lắm. Trước sân thì ướt át có một đám rau đắng đất không trồng mà mọc, dường như tỏ dấu người ở trong nhà chẳng biết ngọt bùi. Còn sau hè thì có hai hàng chuối xơ rơ, chớ không có một bụi tre, bởi vậy ở một xóm mà khác mấy nhà trong xóm.

Trong nhà im lìm vắng vẻ, chỉ có mấy con gà giò kiếm ăn chéo chéo dưới dàn, với một con chó vàng ốm, nằm dựa xó cửa lim dim như buồn ngủ. Cách một lát con chó vùng đứng dậy ngoắt đuôi, mấy con gà giật mình chớp cánh chạy vô buồng, còn ngoài bờ có một đứa trai nhỏ, chừng tám chín tuổi, trần truồng, thùng thẳng lùa một bầy vịt vô sân, sau lưng có một con heo đen ột ột đi theo lấm lốc. Vô tới sân con heo đứng dựa đám rau đắng ngoắt đuôi mà ngó vô nhà, còn đứa nhỏ thì chạy lảng xãng chặn bầy vịt mà nhốt.

Xóm Tre đây là quê bà Ba Thời mẹ nuôi thằng Được, đùm bọc thằng Được ban đầu, rồi nó bị cha nuôi bán cho ông thầy Đàng, phải từ giã mẹ nuôi ra đi, qua bao miền khác để trải *mùi đời cay đắng*. Nó có trở về một lần, sau khi lầy lắt dành dụm được một số tiền mua một con heo từ chợ Cần Đước rồi qua đò Mỹ Lợi về Xóm Tre thăm và tặng mẹ món quà ân nghĩa. Nó lại trở qua đò Mỹ Lợi, lại dấn thân vào cuộc đời sương gió, cuối cùng gặp được mẹ ruột và báo đáp mẹ nuôi và cả cha nuôi, đầu từ đầu đã nhần tâm bán nó. Bỏ qua yếu tố cảm tác từ tác phẩm Sans Famille của Hector Malot, cuốn tiểu thuyết *Cay đắng mùi đời* này rất Nam Kỳ, gây xúc động cho người đọc và cả khán giả khi chuyển truyện này thành phim.

Đoạn văn tả cảnh Xóm Tre là đoạn văn đẹp, ai cho rằng văn Hồ Biểu Chánh quá trơn tru, xin đọc lại đoạn văn trên, người Gò Công xưa có tiếng nói như thế!

Xin nhắc cho người Gò Công mình, câu chót của đoạn hai là:

Trên lộ Cây Dương xe ngựa đưa người núc ních chạy chậm rì, tiếng lục lạc nhỏ khua xa xa nghe như tiếng nhái.

Lộ Cây Dương tức là *con đường quan vắng* nhắc ở trên, giờ là con đường từ Sơn Qui ra đò Mỹ Lợi. Riêng tôi, đọc câu này hằng bao lần sao thấy hay quá, câu văn ám ảnh tôi là tiếng lòng dĩ vãng, gợi ý cho tôi viết hai tạp ký về Gò Công ngày cũ:

*Con đường...lộ dương và Con đường Bến xe ngựa...chợ Gò.*³

Chính con Lộ Cây Dương này đẹp và dài nhứt, xe ngựa thời xưa (từ các năm 1960 trở về trước) chạy trên đó nên tôi mới thêm hai câu thơ về “xe ngựa”:

Bánh xe lăn đưa chiều qua dốc nhỏ

Cuối con đường thấp thoáng bóng hoàng hôn

Cái dốc cầu Sơn Qui xưa chỉ là dốc nhỏ làm chồn chùn ngựa một chút, nhưng xe cũng qua dốc được, xe bon bon và cuối đường sẽ nhìn thấy mặt trời đã gần lặn xuống dòng sông Bao Ngược ở bên kia chệch phía tây của Xóm Tre.

Thế tình ấm lạnh nghĩ đến ngậm ngùi, khi thương đâu ngược cũng nói xuôi, lúc ghét đâu thiệt ngọt bùi cũng cho là cay đắng. ...

Đọc đoạn này, mới biết tình mẹ con, dù là con “được”, mẹ “nuôi”, người đàn bà Gò Công xưa chon chắt, ăn nói thật thà, nghĩ sao nói vậy, nhân tình nồng ấm chú đâu “ấm lạnh đến ngậm ngùi” Còn thằng “Được”, đứa trẻ lạc loài trong truyện thì xưng “tôi” nhưng có hiếu có tình, người đọc thấy được mà bùi ngùi.

“... Thằng Được nghe nói cũng chảy nước mắt rồi nói rằng: “Tôi không chịu đâu má. Tôi ở với má hà”. Ba Thời nghe con nói mấy lời thì đứt ruột nát gan, song cũng gắng

³ Sách “Gò Công...vọng tiếng đất lành – Phương Đông –TP HCM 2010, Phần 2.

gượng mà nói với con rằng: "Con ơi ! Con còn nhỏ dại nên con không hiểu, chớ thân má mà nuôi con đây thiệt là thảm khổ không biết chừng nào. Mấy tháng nay tía con nó cứ nghi cho má lấy trai nên để con ra đó chớ không phải là xí được con mà nuôi, bởi vậy cho nên nó ghét con, mà nó lại hành hại thân má hoài. Thiệt nếu má cự, không chịu giao con cho ông già đó, thì không ai làm sao mà dắt con đi được, song nếu má cản trở thì tía con nó nghi con là con của má đẻ, đường ấy cái danh tiết của má còn gì, vì vậy nên má thương con mà không mở miệng ra được".

Thằng Được ngồi khóc một hồi rồi đứng dậy mặt chùi bụi, lấy vạt áo lau nước mắt và nói rằng: "Thôi má đừng có buồn, đừng có khóc nữa. Tía có bán con thì để tía bán đừng con đi phứt cho rồi, chớ má cản trở để con ở lại đây tía rầy rà hoài tội nghiệp má lắm. Không có sao đâu má sợ! Con đi rồi chừng con khôn lớn con làm ăn có tiền nhiều con trở về con cho má, con không quên má đâu". (Trích trong **Cay đắng mùi đời**).

Đặc biệt cuốn "**Cay đắng mùi đời**" ông viết rất sớm, năm, 1923, nên tiếng nói ông viết là tiếng rất Gò Công đầu thế kỷ 20. Tiếng nói Gò Công đặc biệt lắm như nói "đeo guốc" chứ không "mang guốc". Hoàn cảnh trở trêu làm chảy nước mắt người đọc mà ông chỉ viết đơn giản bằng những chùm tiếng, giờ ai nghe chắc cho là quê mùa, "Tôi không chịu đâu má. Tôi ở với má hà". "xí được", "không mở miệng ra được", "làm ăn có tiền nhiều con trở về con cho má, con không quên má đâu". Quê mùa nhưng bây giờ người Gò Công vẫn còn nói, hiểu được.

Thời trước 1945, cách xưng hô của dân đồng Gò Công trong cuốn tiểu thuyết này ghi y như vậy, "tía, tôi", rồi mới "cậu, má". Còn chồng gọi vợ là "mây" xưng "tao", bây giờ nghe kỳ cục, tức cười, nhưng cũng trong tiểu thuyết "**Cay đắng mùi đời**" này ta thấy:

Bức thư của tên Hữu, gửi cho Ba Thời là vợ ở nhà:

Xà-No, le 16 Décembre 19..

Tao gửi lời về thăm mây được mạnh giỏi. Tao ở dưới này bình an như thường. Năm nay tao làm ăn cũng khá khá. Như mây có nghèo lắm thì bán cái nhà lấy bạc đi qua Mỹ Tho rồi ngồi tàu mà xuống đây.

Mà nếu mây đã có nơi nào khác rồi thì phải gửi thơ cho tao biết. Nói dùm tao gửi lời thăm anh Hai chị Hai và bà con lối xóm hết thầy.

Hữu ký

Thật ra gọi "mây", không có gì là "làm phách" mà là tiếng người lớn gọi người nhỏ hơn nhiều. Cha lớn tuổi vẫn nói chuyện với con là "mây" và xưng "tao". Xưa vợ chồng xưng nhau "mây tao" hay gọi "mình" nhưng ít lắm. Vợ chồng chờ có đứa con đầu để gọi nhau bớt ngượng hơn như "cậu thằng Hai" và "má con Đẹp" v.v⁴

⁴ Sách "Gò Công... vọng tiếng đất lành" Phần 2: Tiếng Gò Công có đót không?

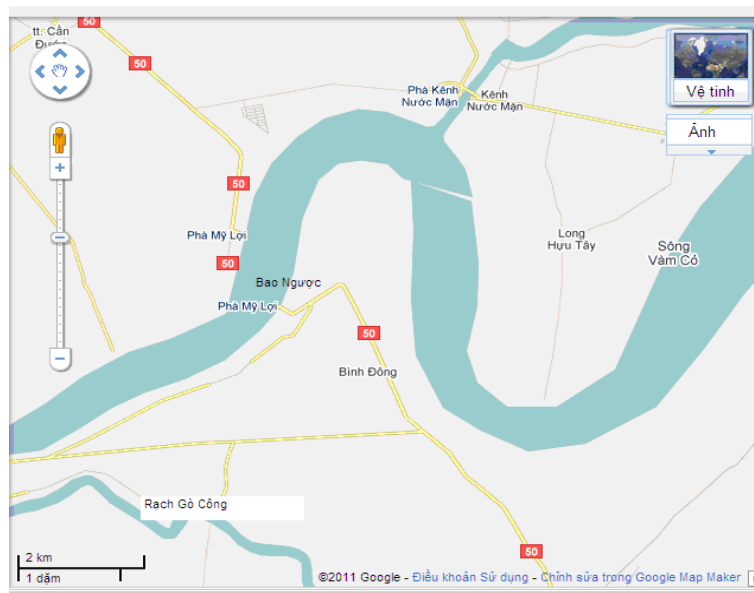
Thiệt trong cuốn truyện này, ông viết đặc sệt tiếng Gò Công thời Pháp thuộc. Như “Ba Thờ bốn tánh hà tiện... nuôi gà nuôi vịt trông cho nó lớn đặng bán...nay biểu chồng thì “xót ruột bầm gan.” (Cay đắng mùi đời)



Phim Cay đắng mùi đời

Địa danh Bao Ngược

Còn về địa danh Bao Ngược, nó là một khúc sông làm ranh giới phía Bắc Gò Công:



Sông phía Bắc Gò Công gọi chung là sông Vàm Cỏ

Khuất sông này là Bao Ngược tới Vàm Bao Ngược ở phía Bắc cái voi đất Tân Phước, gặp sông Soi Rạp chảy lên gặp sông Nhà Bè, nơi có câu ca dao:

Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về

Còn ở Gò Công thì:

Bao Ngược ồ ào sóng cạnh tranh

Bao Ngược là khúc sông rộng hơn ngàn thước; có đò ngang, nay là bến phà Mỹ Lợi. nối Gò Công với Cần Đước. Giờ đứng trên đò phà qua sông, thấy dòng nước giữa sông cuộn cuộn chảy mà nhớ hồi xưa khi không có tàu bè, phải dùng thuyền chèo, thuyền buồm qua khúc sông này, vất vả và nguy hiểm biết chừng nào. Người xưa đặt tên Bao Ngược vì nơi đây giáp mối nhiều nguồn nước. Nước sông Vàm Cỏ Đông từ Bến Lức, Vàm Cỏ Tây từ Tân An chạy xuôi về gặp nước từ Sông Tra từ rạch Gò Công, lại thêm nước biển từ ngoài Vàm Soi Rạp tràn vào. Nước chảy mạnh do nhiều mối nước đổ xô, chống chọi xoay quanh tạo thành những cuộn nước xoáy. Thuyền yếu gặp cuộn nước xoáy nhận chìm nên gọi là **Bao Ngược**. Xưa khách thương hồ mỗi khi cập bến vào Mỹ Lợi hay xuôi ngược vào Gò Công, luôn chuẩn bị buồm lái vững vàng lúc qua sông để phòng bất trắc. Vậy mà ghe xuôi ngược trên sông nước Gò Công đều vắng vắng nghe tiếng hò buồn nào ruột:

Anh đi chuyển gạo Gò Công,

Thuyền về Bao Ngược bị giông đứt buồm

Anh ơi!

Thuyền anh cao như sóng cả nhận chìm...

Em tưởng sông bao nhiêu khúc, nỗi niềm ruột đau, ơ hơ...

Đây là câu hò câu hát đoạn trường của những quả phụ nhớ bạn thương hồ mua bán lúa gạo xưa, qua lại Gò Công thường lâm nạn nơi đây.

Nhưng câu hát đâu chỉ xưa buồn mà dai dẳng, mới đây đầu năm 2011, một thanh niên hấp tấp chạy xe máy xuống Phà Mỹ Lợi đang tách bến, xe và người rớt xuống sông và chết trên dòng Bao Ngược.



3. HAI THÀ CUỐI VỢ (1944)

LÀNG BÌNH THÀNH QUÊ CỦA TÁC GIẢ

Năm 1944, ông Hồ Biểu Chánh viết cuốn tiểu thuyết *Hai Thà cuối vợ* lấy bối cảnh là làng **Bình Thành**, quê của ông. Cho tới năm 1956, tỉnh Gò Công có 5 tổng 40 làng. Làng Bình Thành thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, phía bắc giáp các làng Bình Xuân và Tân Niên Trung, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, phía nam giáp

làng Long Chánh và làng Bình Công của tổng Hòa Đồng Trung. Từ năm 1956 các làng gọi là xã, làng Bình Thành nhập với làng Bình Công thành xã Thành Công, địa giới hai làng nhập lại không đổi. Để hiểu nơi quê quán của ông Hồ Biểu Chánh bây giờ ở đâu, ta phải biết cái làng Bình Thành cũ. Từ ngã ba Bình Công trên Quốc lộ 50 đi Mỹ Tho, chạy ra Đập Gò Gừa, trái phải con lộ vẫn còn là làng Bình Công cũ, chạy chừng hơn cây số thấy con đường cắt ngang, phía bên bắc con đường là làng Bình Thành cũ. Quẹo phải thì bên trái là thuộc làng Bình Thành, chạy cho tới khúc quẹo 90 độ rồi chừng bốn trăm thước bên trái có Nhà việc làng Bình Thành xưa và trường học nhỏ Bình Thành. Tới nữa qua chiếc cầu sắt Bình Thành tới địa phận làng Bình Xuân. Phần mô tả vừa qua là phần làng Bình Thành phía đông, xưa không có ruộng đồng, chỉ có ruộng biển, không trù phú. Giờ phần Bình Thành này thuộc về xã Bình Xuân, thị xã Gò Công.

Trở lại chỗ ngã ba, cũng quẹo phải chừng một đoạn thấy con đường nhỏ bên trái phía bắc dẫn đến Xóm Mới phía tây của làng Bình Thành xưa, giờ là một ấp gọi là ấp Thành Nhứt của xã Bình Xuân, ấp này nguyên thuộc xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, từ năm 2007 cắt rời xã Thành Công nhập vào xã Bình Xuân để xã Bình Xuân thuộc huyện Gò Công Đông nhập vào thị xã Gò Công. Quê của Hồ Biểu Chánh nay ở ấp Thành Nhứt xã Bình Xuân và thuộc thị xã Gò Công từ 2007 vậy. Phần Bình Thành xưa quê cụ Hồ Biểu Chánh từ đầu rất sung túc, có ruộng đồng nhiều, các nhà giàu xưa thường ở đây. Bối cảnh của câu chuyện là ở phần Bình Thành này.

Xem bản đồ.



Cốt truyện của cuốn tiểu thuyết này rất đơn giản: Hai Thà, một nông dân trung niên làm ruộng giỏi, nhà cửa khá giả ở Xóm Mới làng Bình Thành. Năm anh 35 tuổi, vợ anh bệnh và mất bỏ lại hai đứa con, một đứa gái 6 tuổi và đứa trai mới 8 tháng. Mẹ Hai Thà đã già mà phải lo cho hai cháu nhỏ nên không xuể. Hai Thà thấy cảnh nhà quá đơn chiếc nên bàn với mẹ kiếm một người đàn bà đứng

tuổi để phụ mẹ lo các con. Được người quen của mẹ giới thiệu người cháu ngoại, người con gái này mẹ chết ở với cha ở xóm Rạch Bàng, làng Bình Xuân. Chẳng may cha mới vừa chết nên trở về xóm Cái Nhồi làng Tân Niên Trung với bà ngoại. Cô gái 22 tuổi này tên Nên, bằng lòng đến giúp việc nhà trong 6 tháng. Cô Nên sớm tỏ ra người hay làm, khéo đỡ đưa con nhỏ và săn sóc được đứa lớn. Bà mẹ và Hai Thà bằng lòng và tin cậy cô lắm. Nhưng cảnh nhà như vậy Hai Thà phải cưới vợ lại mới được. Chỗ hợp gia cảnh được tính là cô Ba Lê vừa thôi chồng cũng xinh đẹp, đã định ngày cưới. Cô Nên hết hạn xin nghỉ, nhưng bịn rịn chia tay với hai đứa trẻ. Hai Thà thấy vậy, biết chỉ có mình cô Nên này mới thương hai con và săn sóc được chúng, nên thay ý...Kết cuộc này như hồi kết của cuốn *Tỉnh mộng*.

Cuốn tiểu thuyết với câu chuyện thường ở thôn quê Gò Công, chuyện thường chứ không lạ. Trước 1945, nông dân khá ở đây đều có vợ đôi vợ ba là chuyện thường, nhưng ở đây Hai Thà cưới người làm, người ở giữ con, tác giả cũng cho đó là chuyện miệng đời sẽ dị nghị...

"Vì thương con lo cho phận con, nên Thà cưới cô Nên, thế mà lúc ấy từ trong Xóm Mới ra tới cả làng Bình Thành nhiều người dị-nghị cho Thà làm chuyện trái đời.

Việc Thà làm là trái đời, hay là lời dị nghị trái đời? Tôi để cho bà con thông thả do chánh đạo và do công tâm mà phán đoán" (chương kết)

Cái cốt lõi của chuyện này là ông Hồ Biểu Chánh tả cảnh sinh hoạt nông thôn ở quê mình, cái miền này cũng đặc biệt là nửa đồng nửa rẫy. Còn cảnh gặt lúa chắt cà lang, rồi đập lúa bó, khi đập lúa phải có nhiều thao tác dù ông có khéo tả bằng lời chắc không ai hiểu. Đây là chuyện làm ruộng từ thời Tây 1945 trở về trước...

"Buổi trưa trời nắng chang-chang, nhưng nhờ có ngọn gió chướng thổi lao-rao, nên không nóng-nực.

Trước nhà Hai Thà, ba con trâu đứng chung-quanh đống rơm, đương rút rơm mà ăn, đuôi ngoắt hàm nhoi, bộ vô tư vô lự.

Trong cái nhà trống gần đó, một đầu đóng cổng nhốt trâu, một đầu để xay lúa giã gạo. thằng Thảo nằm ngửa trên cái võng rách lý hát nghêu-ngao, đợi mặt trời trịch bóng rồi sẽ cỡi trâu đi ăn chiều."

(chương 2)

Đọc, thấy ông có nhiều đoạn tả cảnh nông thôn xưa, cách làm ruộng... giờ muốn quay thành phim làm tư liệu cũng không thể thực hiện nổi, như cảnh đập lúa như thế này:

"Ăn Tết ba bữa, qua mừng 4 thì Thà cho gặt đất rẫy. Đến mừng 10 thì lúa đã chở hết về sân, chắt riêng một cà-lang không cho lộn với lúa đông. Bây giờ Thà lo dọn sân dựng thừa con trống rằm tháng giêng mà đập lúa như người ta, đập lúa đông trước rồi đập lúa rẫy sau.

... ..

Ngày rằm, vừa mới xế qua, thì sáu bảy đàn ông, con trai trong xóm, đều là người có gặt trong ruộng của Thà, tựu lại nhà Thà, rồi hai người leo lên cây cà-lang lúa đồng nắm từ bó lúa mà quăng xuống sân. Mấy người đứng dưới xách đem vô giữa sân chắt đựng bề hột lên trên, chắt một lớp, bắt trong chắt vòng ra ngoài, chắt thành một đồng tròn. Công việc này nhà nông kêu là “chắt bã”.

Trời mát, bã chắt xong, Thà biểu Thảo dắt cặp trâu lớn ra sân, anh em lôi xóm người phụ bịt mồm, người phụ cột niệt, rồi bốn thân Thà cầm roi và nắm dây rún cho trâu lên bã lúa, đi được năm sáu vòng mới giao lại cho Thảo. Bà con lôi xóm rải-rác rút về ăn cơm đợi tôi sẽ trở lại mà bắt bó (chương 2)

... ..

Các anh em trong xóm đều đứng dậy lấy mỗi người một cây mỏ xải và bao chung quanh bã lúa mà xúc lên. Làm cho rã các bó lúa ra và trải đều lại trên bã lúa, việc ấy kêu là “bắt bó”.

Tôi là con nhà nông, trước 1945 làm ruộng nhiều, trên mười mẫu ruộng đồng và trên 100 mẫu ruộng biên giáp Cửa Tiểu. Chắc qui mô làm ruộng của nhà tôi lớn hơn Hai Thà nhiều. Muốn làm ruộng như nhà tôi phải nuôi tới 3 cặp trâu không tính ghé, hai đứa giữ trâu, bạn cày 3 người, có trại làm ruộng, có cả đám lá dừa nước cặp sông Cửa Tiểu ở Trại cá, có xe ngựa nhà để cha tôi đi thăm trại ruộng và má tôi chở cá chạy nò đem ra chợ Tăng Hòa hay chợ Gò bán. Gặt lúa và đập lúa làm ruộng không đơn giản như cách của Hai Thà ... Nhưng đây là tiểu thuyết...cũng tả được cảnh đập lúa rườm rà như thế đó.

Có điều, ông nói “bắt bó” còn miệt chỗ chúng tôi gọi là “trở bã”. Ba lần trở bã và lần chót là “ra rơm” Mỗi lần trở bã cần nhiều lắm là bốn người, thường là ba, đứng thành hàng, nếu không, vùng mỏ xải trúng đầu người khác. Ở đây trẻ con ở đồng học làm ruộng đầu tiên là giữ trâu, cắt cỏ, khi đập lúa phải biết đánh trâu bịt mồm đập trên bã lúa tròn....Khi cho trâu đập lúa phải bịt mồm trâu vì sợ trâu ăn cọng rơm còn hạt lúa, khi đập lúa gần “chín” tức hột lúa chỉ còn một phần mười dính cọng rơm thì mở mồm bịt cho trâu để nó muốn ăn rơm còn dính ít hột lúa cũng được. Còn muốn trở bã phải là thanh niên hay phải 15 hay 16 tuổi có sức, biết cầm mỏ xải, việc không phải nhẹ nhàng, nhứt là khi trở bã lần đầu, hột lúa còn dính nhiều trên rơm. Ông viết tiếp:

Con nhà làm ruộng ở làng Bình Thành cũng như nhiều chỗ khác trong xứ này, mỗi năm cực-nhọc có mấy tháng: đầu mùa mưa dọn đất gieo mạ, rồi cày ruộng mà trở đất, đợi mạ đúng lúa mới trực hoặc bừa cho chín đất dặng nhổ mạ đem qua cấy. Hễ cấy rồi thì rảnh-rang luôn mấy tháng. Người làm đất rầy, nghĩa là ruộng nước mặn, thì phải cắt cỏ một ít bữa cho lúa nở thông-thả. Còn người làm đất đồng thì chỉ coi chừng nước

mà thôi. Ai siêng thì đi câu hoặc đặt lò kiếm cá ăn mỗi bữa. Chừng lúa chín mới làm việc lại mà làm việc cũng có vài ba tháng: gặt, gom về sân, đập rồi hết chuyện, đợi tới mùa mưa sau mới làm mùa khác (chương 2)

Đúng vậy, chuyện nhà nông thời chưa dẫn nước nhập điền, làm ruộng là do trời mưa, “*lạy trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cày....*”. Các tháng nắng là nông nhàn, nhưng mà sống lây lất!

Có điều, tôi đọc đoạn này thấy việc bắt nhái ở làng Bình Thành tôi mới biết...tôi ở đồng biết soi ếch, dầm ếch chứ không biết soi nhái. Nên học...

Hai Thà ở nhằm chỗ nửa đông nửa rẫy, nhưng qua mùa khô hễ gặt và đập rồi thì tôi ngày ngồi khoanh tay không biết làm việc chi. Đàn-bà họ tràn xuống rẫy dặng nước cạn họ bắt vọp mánh, nước lớn họ bắt vọp sôi, hoặc họ bắt còng hay vót rạm. Đàn-ông họ làm giẹp mà đặt cá bống dĩa, hay làm vó mà câu cua biển. Thà tuy chưa có chức-phận, song đứng vào hạng có cơm tiền bởi vậy Thà không thà đi bắt vọp, bắt còng, hay câu cua, câu cá như họ vậy được.

(chương 3)

... ..

Qua tháng 3, hồi xế trời mưa một đám thiệt lớn. Trong xóm nhà nào cũng chộn-rộn. sửa-soạn đèn dặng tôi đi soi nhái. Nên thạo các công việc của người ở ruộng, biết bắt vọp, bắt còng, biết đặt cua, đặt cá; duy có soi nhái, soi ếch thiệt nó chưa biết. Chiều tôi nó thấy ở xóm ngoài tốp 5 tốp 3 người ta đi vô Xóm Mới đập-đều, người cầm đèn chai, người xách giỏ lớn. Trên Bình-Lạc người ta cũng đi theo lộ me mà xuống, có đàn-ông, có đàn-bà. có con gái, có con trai. Tới Xóm Mới ai quen nhà nào thì ghé nhà nấy. Ai không có quen thì ngồi giùm nhau ngoài lộ mà chơi.(chương 3)

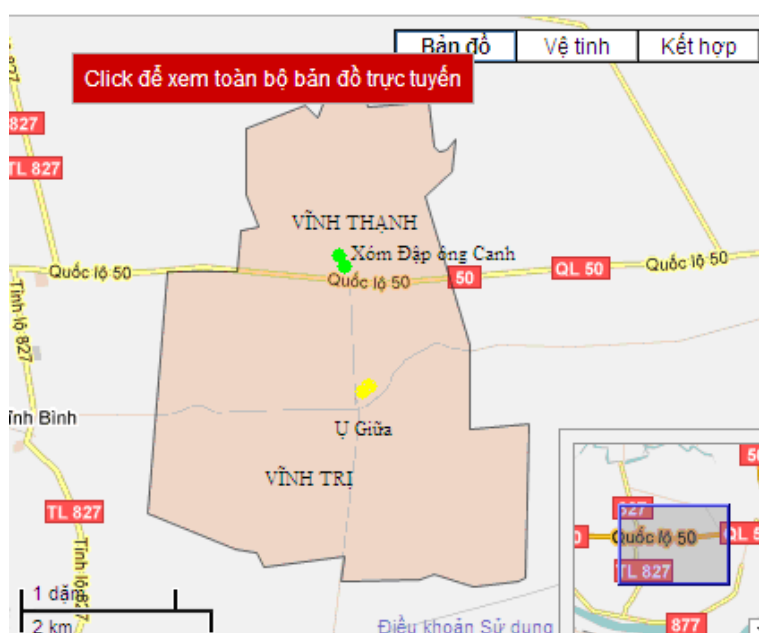
Mẹ Hai Thà cắt nghĩa tại sao Xóm Mới có nhái nhiều:

Đất rẫy nước ngập mãi năm, nhái ở sao được, ở theo bờ theo bụi một ít con mà thôi. Đất đông mùa nắng khô-khan, nhái cũng không thể ở, có chút đỉnh theo mấy bào mấy trũng vậy thôi. Ở xóm mình, nhờ có mấy đám ruộng biên đó, đầu mùa nắng nước sông cũng rịn vô, ướt-át luôn luôn, bởi vậy nhái ở được mà sanh-sản ra nhiều. Đầu mùa mưa, hễ có mưa lớn nước ngập hang, thì tôi nhái phải trồi lên mặt đất uống nước mà kêu, chừng nào mưa dào-dẫn, nhái no nước rồi nó mới rút uống hang, không kêu nữa.(chương 3)

Tôi ở đồng nên biết mấy cái bào cái trũng biết mưa dào dẫn là gì rồi, nên đọc những câu như thế này đầu thắc mắc, nhưng các nhà hàn lâm thì cho rằng ngôn ngữ như thế là không đúng chuẩn chữ nghĩa. Thôi không sao!

Ông viết cuốn này trước năm 1944, ông viết kêu tên một địa danh giờ người ta kêu trại ra khác. Trong tiểu thuyết ông viết nhiều lần tên một xóm gần Xóm Mới, làng Bình Thành là xóm *Cái Nhồi* làng Tân Niên Trung, giờ ai cũng gọi là *Cả Nhồi* ở xã Tân Trung. Có điều hồi ông Hồ Biểu Chánh còn nhỏ nếu ông muốn đi đến Cái Nhồi, chỉ cần băng ruộng, băng đồng vài khoảnh là tới... Chắc cũng không sao, Tân Niên Trung xưa giờ đặt lại là Tân Trung cho gọn, Cái Nhồi, giờ ai cũng gọi là Cả Nhồi chắc không cãi được!

4. CON NHÀ NGHÈO (1930) LÀNG VĨNH THẠNH, VĨNH TRỊ, BÌNH PHÚC NHÌ



Con nhà nghèo là tác phẩm nổi tiếng của Hồ Biểu Chánh. Ông viết lối năm 1930. Tiểu thuyết đã được dựng thành tuồng cải lương, kịch và quay phim. Chuyện về một cô gái, em tá điền... Lựu mồ côi, ở với anh và chị dâu trong xóm *Đập Ông Canh*. Vì có chút nhan sắc nên bị cậu Hai Nghĩa, là con bà Cai Hiếu, chủ điền giàu có lớn, ép uống đến có thai rồi bỏ. Thị Tố là chị dâu tìm gặp cậu Hai Nghĩa để hỏi cho ra lẽ và tìm cách lấy tiền để chữa bệnh cho Lựu, nhưng không xong. Trên đường về Thị Tố gặp mộ Hai Nghĩa nên kể chuyện cậu Hai có con với em chồng mình. Bà Cai Hiếu sợ mang tiếng cho gia đình nên buộc gia đình anh của Lựu là *Cai Tuần Bưởi* phải trả ruộng và không cho cất nhà trong đất của bà. Cai Tuần Bưởi túng thế phải về ở với em vợ ở làng Bình Phục Nhì. Lựu được anh nông nhân nghèo là Hai Cu thương và cưới làm vợ. Hai vợ chồng đem đứa con đi Bạc Liêu mượn ruộng làm, rồi mua ruộng làm, sống khá lên. Đứa con được vợ chồng Lựu nuôi ăn học, ra trường làm quan kinh lý. Quan kinh

lý về tổng Hòa Đồng Hạ (nếu là sau 1924, tách thành tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công, trong đó có làng *Vĩnh Thạnh* quê cũ của Lựu) để đo đạc ruộng và bà Cai Hiếu muốn gả cháu nội gái cho quan kinh lý. Hai Cu giờ là Hương Chủ một làng ở Bạc Liêu, thay mặt vợ nói chuyện xưa và để cho con trai giải quyết cảnh trớ trêu này!

Tình tiết cuốn tiểu thuyết này cũng gay cấn, bà Cai Hiếu phải mất đứa cháu gái (giờ chót mới biết là em gái khác mẹ của quan kinh lý), chết vì thất tình!

Tiểu thuyết đề cập thời còn hương chức hội tề ở làng, ức hiếp dân quê Nam kỳ thời Pháp thuộc. Sau, mới đây, ở Hậu giang có vở tuồng cải lương (1980) *Tiếng hò sông Hậu*, tuy có vẻ cường điệu về giai tầng *hội đồng điền chủ* như *“Hội Đồng Dư”* có ruộng bạt ngàn ức hiếp nông dân trong điền trang. Ở đây, vùng Gò Công, ruộng đất ít hơn, điền chủ nhỏ dăm ba chục mẫu, cũng có thể mua chức cai tổng, làm làng để vợ thành bà Cai, bà Cả, dân làng cũng nể sợ. Trong truyện, tác giả bắt đầu bằng địa danh *“Đập Ông Canh”*, tên người đầu tiên đến ở gần cái đập này. Tác giả có nói rõ tên làng bắt đầu câu chuyện và có nói là bên Gò Công. Người già đọc thấy mấy cái địa danh như *Ụ Giữa*, *Bình Phục Nhì*, thì biết ngay là chuyện xảy ra trong tổng Hòa Đồng Trung và Hòa Đồng Thượng (trong 5 tổng) và ba làng (trong 40 làng) của tỉnh Gò Công cũ tới năm 1956: Đập ông Canh ở làng Vĩnh Thạnh phía bắc, Ụ Giữa ở làng Vĩnh Trị phía nam thuộc tổng Hòa Đồng Trung và làng Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng.

“Xóm Đập Ông Canh nằm phía sau nhà việc làng Vĩnh Thạnh xưa, (nay là trường học xã Thạnh Trị) dựa bên đượng Gò Công qua Mỹ Tho, ngang qua ngã ba tẻ vô Ụ Giữa, bây giờ nhà chen rất đông đảo, cây dừa mọc sum suê. Cái nhà việc cũ sùm sụp của làng hồi trước đã dỡ bao giờ mà cất lại một toà nhà mới, nền cao khoảng khoát, nóc phơi đồ lòm. Vài cái nhà lá tum hùm, cửa xịt xạc, vách tả tơi, hồi trước ở rải rác chung quanh đó cũng điêu tàn bao giờ mà nhường chỗ lại cho hơn chục cái nhà khác, tuy cũng lợp bằng lá dừa, song cột kê táng, vách đóng be, coi rất đẹp đẽ thơ thới.” (chương 1).

Cái ngã ba tẻ vô Ụ Giữa giờ vẫn còn và gọi là Ngã Ba Thạnh Trị trên Quốc lộ 50, tức là lộ lên Mỹ Tho. Hai làng Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị thời Pháp, từ năm 1956 nhập lại thành xã Thạnh Trị. Cái nhà việc trên giờ là trường học, vì trụ sở xã Thạnh Trị mới giờ đặt ở gần Ụ Giữa làng Vĩnh Trị xưa. Đập Ông Canh giờ còn cái tên ấp của xã Thạnh Trị chạy dọc lộ lên Mỹ Tho như xưa trù phú. Giờ đến Thạnh Trị hỏi coi có ai biết người làm hình ảnh Cai tuần Bưởi trong chuyện, không ai biết, nhưng cái nhà trong chuyện tả như sau đây thì quen thuộc lắm:

“Cách chừng hai mươi mấy năm trước, trong xóm Đập Ông Canh, ở phía sau nhà việc, có một cái nhà ba căn, cột bằng cây bần, nóc lợp lá xé, cửa cặp lá chằm, vách gài bằng tre, trước sân một bên bắt một đồng rom, một bên trồng một cây me, sau kê chuôi

lá xiêm xơ rơ mấy bụi, mía thâm diệu lỗ xố mấy giồng. Cái nhà đó là nhà Cai tuần Bưởi''
(chương 1)

Lá xé là tàu lá dừa nước chặt rồi xé ra từng đôi phơi khô, khi lợp cũng từng đôi chập lại, mặt trái ở trong, lợp xong trong nhà nhìn lên mái chỉ thấy sống lá, giờ các quán lá cũng lợp kiểu này vừa mát vừa ngộ. Nhà lợp lá xé dừa nước này cứ 4 năm, xóc nóc một lần, tám năm phải bỏ, lợp lá mới. Lá chằm cũng từ lá dừa nước, rọc lấy lá bỏ sống chằm thành miếng ngang một thước. Cột nhà là cây đốn bên rạch không mua, cây bần, cây tạp, tốt một chút là cây mù u. Sau nhà thường có bụi chuối xiêm giờ kêu chuối sứ. Nhà mà chôn cột là nhà nghèo rồi. Tại sao cột phải chôn, vì cây làm cột không ngay, cong queo không kê tán được.

Theo mạch chuyện, giờ cũng đến lại ấp Đập Ông Canh hỏi, ai hồi xưa có nhà cửa bề thế làm chủ điền như bà Cai Hiếu không, có người nhớ trực đến gia đình một ông Cai tổng có tiếng ở vùng này hồi xưa, ông Cai tổng Trần C. Th. Giữ một Tổng Hòa Đồng Hạ (dưới đây) Có tích...mới dịch ra tuồng.



Mộc Tổng Hòa Đồng Hạ năm 1923.

Năm 1923 Tổng Hòa Đồng Hạ coi tất cả 16 làng gồm các làng **Vĩnh Thạnh**, **Vĩnh Trị**, Vĩnh Lợi, Vĩnh Hựu, Long Hựu, Long Thạnh, Bình Công, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Tân Cương, Long Chánh.

Từ ngày 20-12-1899, Gò Công là một quận của tỉnh Mỹ Tho. Quận Gò Công chia ra làm 4 Tổng: Hòa Lạc Hạ, Hòa Lạc Thượng, Hòa Đồng Hạ và Hòa Đồng Thượng.

Mộc Hòa Đồng Hạ trên sử dụng năm 1923 là năm cuối cùng vì:

Năm 1924, Gò Công được lập tỉnh, số hiệu 18, gồm 5 tổng và 40 làng. Thêm Tổng Hòa Đồng Trung tách ra từ hai tổng Hòa Đồng Hạ và Thượng. Tổng Hòa Đồng Trung mới gồm: Vĩnh Lợi, Vĩnh Viễn, Vĩnh Hựu, **Vĩnh Thạnh**, **Vĩnh Trị**, Yên Luông Đông, Yên Luông Tây, Bình Công và Long Chánh.

Người Gò Công, phải lớn tuổi sanh gần đầu thế kỷ trước, thuộc gia đình nông dân nghèo, đọc truyện này mới thấm thía! Nếu trong tiểu thuyết Hai Thà cưới vợ, người đọc sao thấy người nông dân như Hai Thà ở ấp Xóm Mới làng Bình Thành, nơi sanh trưởng của tác giả, làm ruộng và sống sao mà dễ chịu quá!

Qua chuyện này **Con nhà nghèo** mới thật là cảnh nông dân Gò Công thuộc Nam Kỳ. Cai tuần Bưởi là nông dân, mà nông dân là:

“Thuở nay anh ta muốn hai dây ruộng của bà Cai Hiếu mà làm, mỗi năm phải đóng lúa muốn ba trăm gia, năm nào lúa trúng thì té ra chừng một trăm gia đủ nuôi vợ nuôi con và em, năm nào lúa thất, đóng lúa ruộng rồi không còn dư hột nào, thì phải lo làm ruộng đóng lấy tiền độ nhật. Mùa mới rồi, lúa cấy xong, lúa vừa mới bén, kể bị trời hạn, nắng cháy đốt, nước nóng gốc, lúa nở không được. Cai Tuần Bưởi đi thăm ruộng về, mặt mày buồn hiu, ngồi khoanh tay thở dài mà than rằng: “Trời muốn giết con nhà nghèo”. Chẳng hiểu trời sợ con nhà nghèo chết, hay là sợ chủ điền góp lúa không đóng, mà Cai tuần Bưởi than như vậy. Rồi cách vài bữa trời mưa một đám thật lớn trong cánh đồng Đập Ông Canh. Lúa nhờ mưa mát mẻ nên đâm đốt bén lại, nhưng vì bị hạn đã mất sức rồi, bởi vậy chừng trở bông vẫn vẫn mà hột lại thưa thớt nữa. Thương cho Cai tuần Bưởi khi đến gặt, thì số lúa bó coi không thất bao nhiêu mà đến chừng đập rồi, lường lúa hột thì chỉ có ba trăm hai chục gia. Số lúa ruộng muốn của chủ điền bề nào cũng phải đóng cho đủ ba trăm gia. Thế thì cực nhọc trót một năm trường đang nắng cầm cày, đâm mưa nhổ mạ chỉ còn lời có hai mươi gia mà thôi! Mà trong đó còn phải đóng lúa muốn trâu, còn phải trả tiền công cấy thì dư nổi gì.” (chương 1).

Riêng tôi, nhà nông nòi, đọc đoạn này, thấy ở đây hồi trước 1945, quả có thật như vậy. Một mẫu ruộng tốt ở đồng, thuận mùa thu hoạch được 60 gia (tính ra là 1 tấn 2), đóng lúa ruộng cho chủ điền 35 đến 40 gia, còn không bao nhiêu!

Chuyện bên lề, có thật, hồi quay phim **Con nhà nghèo** theo cuốn tiểu thuyết này, đạo diễn và đoàn quay phim đến ấp Đập Ông Canh, xã Thạnh Trị (có làng Vĩnh Thạnh xưa của câu chuyện), đến nhà thờ của họ có tiếng xưa của ông bà Cai tổng Th...(nhưng không phải tên là Cai Hiếu...xin không nêu rõ), xin sử dụng ngôi nhà thờ rất bề thế và hợp cảnh bà Cai Hiếu xóm Đập Ông Canh...ức hiếp Cai Tuần Bưởi. Ban đầu gia đình ưng thuận, đoàn quay phim phải cho vẽ tấm lót nền để trải cho giống cái nền gạch Tàu xưa vì nhà đã bỏ gạch Tàu lót gạch tráng men rồi. Người cháu trai già của ông bà Cai (thiệt) hồi xưa, là ông Thôn...đọc lại cuốn tiểu thuyết và “thấm” nên không cho quay cảnh “bôi bác” ông bà ở ngay cái nhà thờ này. Ông Thôn đã mất, hiện con rể đang giữ ngôi từ đường này, kể cho tôi biết chuyện này. Tôi hỏi vui, nếu giờ quay phim lại cuốn tiểu thuyết này mà xin “chú” cho quay “cảnh bà Cai” trong nhà thờ, chú có thuận không? Chú trả lời, đâu dám anh!

Cũng nên phân biệt, cai tuần như Cai Tuần Bưởi, còn cai tổng có vợ như bà Cai Hiếu trong chuyện, thì cách biệt như thế nào? Ở đây bà Cai Hiếu là chủ điền còn Cai Tuần Bưởi là tá điền. Còn nói về chức phận thì bà Cai người dân nể trọng vì là vợ ông Cai. Cai tổng coi một tổng ít nhứt cũng 6, 7 làng do Chánh Tham biện tỉnh cử, có quyền chỉ thua ông huyện, nhưng từ 1924 đến 1956 Gò Công là một tỉnh duy nhất ở Nam Kỳ không có huyện, chỉ có 5 tổng do 5 ông cai coi. Chức cai tuần như Cai Tuần Bưởi chỉ là người trong ấp được cử phụ phó hương quản coi trật tự một xóm, một ấp, hương quản mới coi trật tự một làng có thể có oai, chứ cai tuần là người phụ phó hương quản mà thôi. Trong chuyện, Cai Tuần Bưởi còn bị làng bắt đóng trăn, vậy chức cai tuần quá nhỏ chỉ như dân mà thôi. Cũng chuyện xưa, trong chuyện đưa con trai của cô Lựu sau học làm quan kinh lý, cũng đã trên hăm mấy tuổi, khi về đo vẽ bản đồ ruộng các làng trong tổng, hương chức làng rước quan kinh lý coi bộ nể trọng lắm. Vậy quan kinh lý, chức vụ gì mà coi như lớn vậy. Thực ra chức kinh lý này giờ như là trắc địa viên (arpenteur-géomètre) mà thôi. Thời các năm 1930, muốn được vậy quả là phải học hành khó khăn, phải đậu xong bằng Thành Chung (Diplôme) rồi ra Hà Nội học trường kinh lý ba năm, xong được bổ làm quan kinh lý, được trọng vọng là xứng đáng!

Nhờ cuốn tiểu thuyết *Con nhà nghèo*, nhờ truyện được quay thành phim mà tên ấp *Đập Ông Canh* sẽ được nhớ hoài. Còn tên làng Vĩnh Thạnh giờ nhiều người hiện đang ở xã Thạnh Trị ngộ không biết ở đâu. Cái quá khứ tên làng ở Gò Công ngày cũ đâu phải là tàn tích Nam kỳ cần quên lãng! Đọc Hồ Biểu Chánh để nhớ là ở quê Gò Công mình từng có những tên làng như thế để có những tên xã hợp lại như ngày nay!



Một làng Vĩnh Thạnh năm 1923

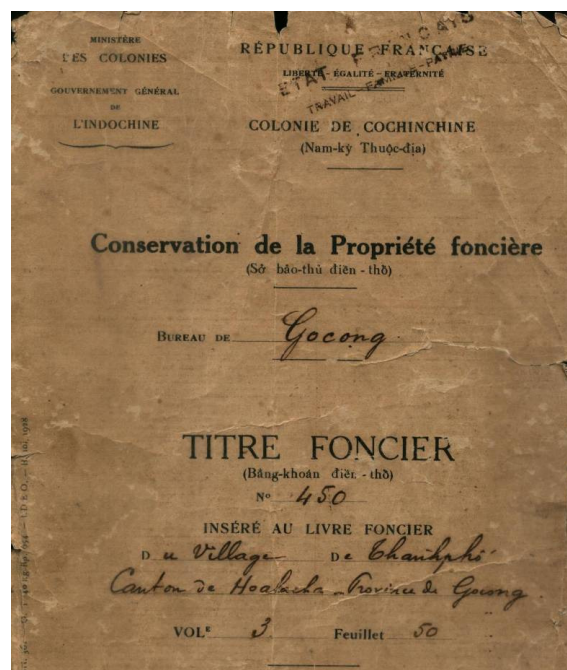
Còn vai trò của kinh lý rất quan trọng trong việc đo đạc điền thổ.

Thời Pháp thuộc, cho tới năm 1975, miền Nam quản lý điền thổ bằng cách lập địa bộ (livre foncier) cho đơn vị hành chánh là làng (village), theo tổng (canton), theo huyện (délégation) rồi gom về “Sở bảo thủ điền địa” chung cho một tỉnh hay nhiều tỉnh (Conservation de la propriété foncière). Riêng tỉnh Gò Công là một tỉnh nhỏ thời Pháp thuộc, duy nhất không có quận, nên Sở Bảo Thủ

Điền Địa tại tỉnh Mỹ Tho kiêm trông coi, nhưng có bộ phận riêng gọi là Bureau de Go Cong, Phòng phụ trách tỉnh Gò Công. Sau thời Đế I và Đế Nhị Cộng Hòa của Sài Gòn vẫn giữ cách quản lý này. Gò Công từ năm 1956 thuộc tỉnh Định Tường nên địa bộ không thay đổi. Khi Gò Công tái lập tỉnh từ năm 1964 cho đến năm 1975, mọi sự tặng, cho, bán, lập hương hỏa ruộng đất đều do Sở Bảo Thủ Điền Thổ Mỹ Tho (thời Pháp thuộc trước 1956) hay Ty Điền Địa Định Tường (xem Tờ Lược Giải (như ghi chuyển chủ quyền) của Bảng khoán số 450)

Thoạt đầu, lập địa bộ của làng, Ban Hương chức hội tề của làng (theo lệnh của Cai tổng) phải nắm toàn bộ diện tích đất đai tức là đất công thổ, đất tư nhân, điền (ruộng) công thổ, điền tư nhân, vẽ bản đồ (do Kinh lý đo và vẽ) chia ra từng sớ đất và ghi tên chủ đất. Toàn bộ tài liệu hoàn chỉnh địa bộ của làng gởi về cho Sở Bảo thủ điền địa tỉnh, trên nguyên tắc Chủ tỉnh là người Quản thủ địa bộ (theo Nghị định ngày 6-3-1891). Chỉ có Chủ tỉnh mới cho phép sửa đổi về ranh giới hoặc tên chủ sở hữu đất đai. Tại sở Bảo thủ điền địa mới lập Địa bộ cho từng làng trong tổng và cấp cho từng chủ đất một Bảng khoán điền – thổ. Đứng tên trong Bảng khoán điền thổ gọi là chủ đất, chủ điền. Bảng khoán là một tập giấy cứng, in đủ mục và bìa là các nghị định về đất đai in bằng tiếng Pháp. Khổ bìa 21 cm x 31cm. Bề mặt in như hình chụp, phía trong trích in các điều khoản của Luật Điền địa, thuộc địa Nam Kỳ ngày 25-7-1925. Nội dung bằng khoán ghi trên một tờ giấy rộng bằng 8 lần tờ bìa, xếp đôi ngang rồi xếp tư dọc. Toàn bộ Bảng khoán cuốn tròn bìa cuối ở ngoài. Dùng sợi tơ buộc, một vài chục năm sau thành cuộn, khi mở phải khéo để khỏi rách tưa.

Như Bảng khoán số 450 của làng Thành Phố, tỉnh Gò Công:



Đây là bìa cuốn bằng khoán. Phía trong có bảng lược giải (cắt nghĩa, mô tả sơ lược) ghi tên chủ điền đầu tiên lập ngày 25-6-1929

Chuyển hương hỏa cho ... ngày 7-9-1970. Diện tích : 3 ha 40 a 80 ca (34.080 m²)

Bằng khoán này lập năm 1929 nguyên thủy tiền cước 4\$00,

Làm bản điều giải sang tên cho con năm 1941, (còn Pháp thuộc) cước là 4\$40

Lập hương hỏa ngày 7-9-70, trước Luật Người cày có ruộng của Chính phủ Sài Gòn năm 1971, cước là 156\$00 (thời giá 300.000 \$). Theo Luật Người cày có ruộng, ruộng hương hỏa dưới 5 mẫu, không bị truất hữu, nên thửa ruộng gần 3 mẫu rưỡi này vẫn để cho hai tá điền làm, thu lúa ruộng 25 thùng (500 kg) mỗi mẫu một năm, cho đến 1975, người làm ruộng có ruộng, hương hỏa không còn. Người đứng hương hỏa sở ruộng này giữ “cuộn bằng khoán” để kỷ niệm! Các bằng khoán bằng tiếng Pháp và tiếng Việt như thế này sau 1975 không còn giá trị gì.

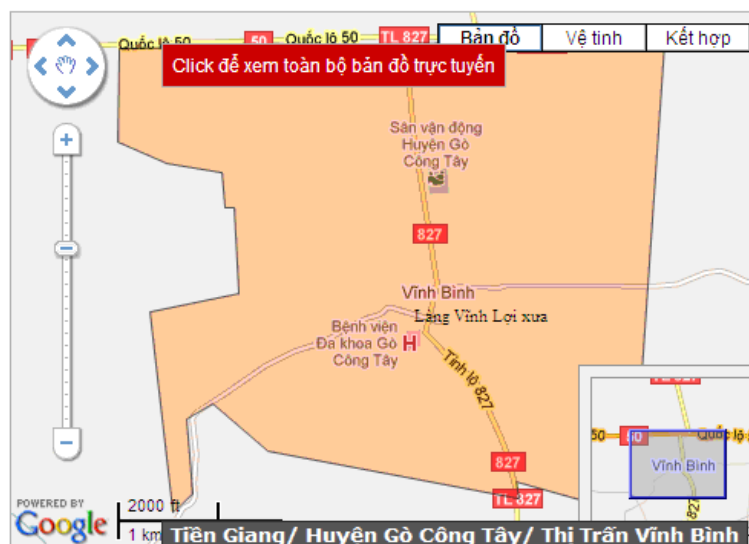
Trong tiểu thuyết *Con nhà nghèo*, bối cảnh là *Đập ông Canh* làng *Vĩnh Thạnh*, chuyện có nhắc Cai Tuần Bưởi các năm thất mùa có qua Ụ Giữa làm muốn, đem tiền về cho gia đình xoay xở chờ mùa làm ruộng mới. Ụ Giữa thuộc làng Vĩnh Trị, phía nam làng Vĩnh Thạnh. Đường từ Gò Công lên Mỹ Tho đến gần Nhà việc làng Vĩnh Thạnh có ngã ba vô làng Vĩnh Trị, chừng 3 cây số gặp con rạch chỗ đó là Ụ Giữa thuộc làng Vĩnh Trị. Và đây là điểm đặc biệt của Ụ Giữa:

Thuở trước Tây vô (1861), đường lộ từ Gia Định xuống chợ Gò Công và từ chợ Gò Công lên Mỹ Tho chưa thông, phải dùng đường thủy. Như từ Gia Định, ghe thuyền xuống tới Bao Ngự, hay ghe thuyền từ biển vào vàm Soài Rạp (từ Vàm Láng) vào Bao Ngự, rồi theo sông Vàm Cỏ tới vàm Sông Tra bên tả ngạn, ghe thuyền vào Sông Tra, một đoạn gặp bên tả ngạn là rạch lớn Gò Công, theo rạch Gò Công vào tới chợ Gò Công. Đây là một con đường thủy Tây theo để đánh chiếm chợ Gò Công hồi các năm 1861 và 1863. Tiếp từ chợ Gò Công muốn lên Mỹ Tho (khi chưa có kinh Chợ Gạo ghe thuyền từ Gia Định muốn xuống Mỹ Tho phải theo thủy trình này) theo phần cuối rạch Gò Công hướng phía tây sẽ gặp rạch Vĩnh Lợi, Chợ Giồng bẻ ngoặt về nam theo rạch Vàm Giồng ra Cửa Tiểu, đến Vàm Kỳ Hôn (giờ là Vàm của Kinh Chợ Gạo, Tây vào mới đào), lên Mỹ Tho. Con rạch Gò Công lên Chợ Giồng này (nay vẫn còn) hẹp và cạn, thuyền phải đợi nước lớn hay vừa ròng, thuận chiều xuôi nước thì chèo chống mới mau. Đến Ụ Giữa là khoảng nửa đường, gặp lúc trời chiều sẩm tối thì thuyền vào Ụ, lựa bến cắm sào qua đêm, sáng hôm sau mới tiếp tục đi, nên nơi đây gọi là Ụ Giữa. Vùng này thuở xưa trộm cướp nổi tiếng, chặn đánh cướp tiền bạc và sản

vật trong thuyền rồi mới cho thuyền lui đi. Bởi vậy thuyền buôn đến khoản đường này lo sợ nhất lúc xế chiều. Thuyền đến gần Ụ, trông thấy một nhà có lầu gác cao, trên ngưỡng gác viết 4 chữ Nho: 五代同昌 *Ngũ đại đồng hương*. Người xưa có câu nói “Ai giàu ba họ, ai khó ba đời”, vậy lầu gác này đã giàu sang đến những 5 đời, thật hiếm lắm thay! Hỏi ra mới biết đây là nhà ông Huyện Hiếu, con cháu là những phú gia có tiếng trước những năm 70 thế kỷ trước. Ông Huyện Hiếu được biết như là một trong những phú hộ lừng danh thời Nam Kỳ lục tỉnh. Trong chuyện những phú hộ Gò Công, người ta nói ông Huyện Hiếu thực lộc chi thể, hưởng gia tài bên vợ, cha vợ là ông Hồng Huê, người lập Chợ Giồng ông Huê. Ông Huê là đại phú không có con trai, gả con gái bắt rể, ông Hiếu cũng làm ăn thêm phát tài nối tiếp cha vợ, cùng các con 5 đời giàu sang vững chắc tới 1945. Nghe nói đầu gần lối 1900 ông Huê chết, con rể làm đám ma thật long trọng, quan quan tài tại Ụ Giữa, Vĩnh Trị rất lâu, lập trai đàn bố thí hàng tháng. Thiên hạ đến ăn uống suốt ngày, rồi chôn ông vào ngôi mộ bề thế ở vùng Ụ Giữa, đến nay con cháu còn cúng quảy.



5. TỜ HỒNG VƯƠNG VẤN (1955) THỜI ĐI HỌC CỦA TÁC GIẢ CUỐI THẾ KỶ 19



Tác giả dành trọn chương một để nói về bối cảnh chung của Nam Kỳ đầu thế kỷ thứ 20 (1900)

Thế cuộc vẫn xây, hết suy tới thịnh, nhơn quần tấn hoá, đổi cựa ra tân.

Đó là định luật dĩ nhiên, đâu muốn đâu không, ai ai cũng phải chịu, không làm sao sửa được.

Nhớ lại mà coi, sau khi đánh phá đại đồn Chí Hòa rồi, binh đội Pháp lần lần xâm chiếm tất cả sáu tỉnh của đất Gia Định. Từ hạng nông phu cho tới nhà học thức thấy đều tức tưởi mà quay đầu trông về Phú Xuân, thì triều đình im lìm dường như bỏ xụi, còn chóng mắt ngó vào đám anh hùng nghĩa sĩ thì các cụ Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Thiên hộ Dương, Thủ Khoa Huân lần lượt thất bại tiêu tan.

Đứng trước ngã ba đường như vậy đó, phải đi ngã nào? Nếu cương quyết giữ nền nếp cũ thì lấy chi mà nương náu, còn nếu đổi thái độ cho xuôi dòng thì lỗi với tổ tiên, mà cũng thẹn với cây cỏ.

Trong lúc dân trí đương phân vân như vậy, nhà cầm quyền Pháp khôn ngoan, nên chăm lo gây thiện cảm với nhân dân. Người ta biết thâm phục đất đai thì dễ, nhứt là gặp xứ không có binh đội tổ chức hoàn bị; còn thâm phục nhơn tâm là điều rất khó khăn, phải đổi thay văn hoá, phải ung đúc tâm hồn, mấy việc đó phải dày công phu, phải nhiều thế kỷ, thì mới làm được.

Mới chiếm trị đất Nam Việt, nước Pháp phải bận lo nhiều nỗi:

- Lo chia 6 tỉnh cũ ra làm 20 hạt mới, rồi đặt quan Tham biện ở mỗi hạt để sắp đặt cơ quan hành chánh cho phù hợp với cách cai trị mới mà không đụng chạm đến phong hoá cổ truyền;
- Lo xây dựng an ninh cho nhơn dân được lạc nghiệp an cư, từ thành thị vô tới đồng bái;
- Lo tổ chức đường giao thông cho tiện bề mậu dịch.

Tuy phải gấp rút xây nền hành chánh, người Pháp cũng không bỏ dẹp vấn đề thâm phục nhơn tâm. Những người sống trong nấy năm cuối cùng của thế kỷ 19, là khoảng từ năm 1895 tới năm 1900, ai cũng nhận Pháp mới chiếm trị Nam Việt có 30 năm mà đã khởi công xây dựng một nền văn hoá mới để hướng dẫn tâm hồn Việt Nam quay về phía Âu Tây. (chương 1)

Đọc tiểu sử Hồ Biểu Chánh bắt đầu thời đi học như sau:

Trong tập ký ức, viết ngày 24/12/1957, tại Phú Nhuận, bản đánh máy, nhan đề “**Đời của tôi về văn nghệ**”, Hồ Biểu Chánh đã viết về thời niên thiếu của ông như sau: Từ 8 đến 12 tuổi, học nhập nhem chữ Nho với thầy giáo dạy trong làng. Đến 13 tuổi, nhờ cha mẹ dời về ở chợ Giồng Ông Huệ, mới bắt đầu học Quốc ngữ và chữ Pháp tại trường tổng Vĩnh Lợi, rồi xuống trường tỉnh Gò Công học tiếp 3 năm thi đậu học bổng. Được vào trường trung học Mỹ Tho học 2 năm (1902 và 1903) rồi được lên trường trung học Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn học thêm 2 năm nữa. Cuối năm 1905 thi đậu bằng Thành Chung (Diplôme) .

Vậy trong cuốn truyện, ông bắt đầu chương hai như sau:

Lúc ấy trong hạt Gò Công, tại chợ Giồng Ông Huê, mà bây giờ người ta gọi tắt là chợ Giồng, mặc dầu nhà nước Pháp đã có mở một trường tổng trong một tòa nhà cất bằng gạch ngói đẹp đẽ, hàng hoàng, và có bổ hai giáo viên dạy một lớp chữ quốc ngữ và một lớp xen nhiều giờ chữ Pháp, mà trường tư của ông Giáo Huân cũng vẫn có học trò học đông hoai.

Ông giáo Huân là một nhà nho học hoạt bác, thông sử kinh rành nghĩa lý, giảng sách dễ hiểu, viết chữ có gân, tuổi đã quá năm mươi mà sức khoẻ còn đầy đủ... (chương 2)

Ông viết, chợ Giồng ông Huê gọi tắt là chợ Giồng, chứ dân Gò Công đều biết trước năm 1956, chợ Giồng là chợ làng Vĩnh Lợi, nơi đặt tổng Hòa Đồng Trung. Đất cất chợ và vùng lớn làng Vĩnh Lợi là đất gò, dân quần tụ khai thác trồng trọt thành đất giồng và có một nhà giàu xuất tiền cất một ngôi chợ. Ông Huê sống và mất trước năm 1900 lối 5, 10 năm, không có con trai, con gái gả cho người sau này là ông Huyện Hiếu, một cự phú ở làng Vĩnh Trị, phía Đông làng Vĩnh Lợi. Vài năm trước đây có những hậu duệ họ Phan ở làng Vĩnh Trị xưa, nay là xã Thạnh Trị (nơi có Ụ Giữa), viết bài nói họ Phan ở đây đang giữ gìn ngôi mộ lớn của ông Huê và đang cúng giỗ ông. Theo các người này thì ông Huê nguyên họ Phan có con gái là Phan Thị Huê, nên người ta gọi ông là ông Huê. Rồi một người họ Phan khác viết, cho rằng ông Huê là ông ngoại Hồ Biểu Chánh. Thuyết đầu có thể tin vì có ngôi mộ. Tôi sẽ tìm đến. Thuyết sau về mối liên hệ với ông Hồ Biểu Chánh, không nghe gia đình họ Hồ làng Bình Thành nói, tôi cũng không thấy thuyết phục. Tôi tự hỏi lúc nhỏ ông Hồ Biểu Chánh tên là Hồ Văn Trung, sao không xuống chợ Gò Công học. Từ làng Bình Thành xuống chợ Gò chừng 5 cây số, còn lên Chợ Giồng học phải 12 cây số. Giờ chỉ đọc vài dòng của bản tự sự của ông thì mới biết, năm ông 8 tuổi mới học chữ nho của một ông giáo ở trong làng tức làng Bình Thành, rồi khi ông 12 tuổi, cha mẹ ông dời nhà về Chợ Giồng, ông theo học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp tại trường Tổng Hòa Đồng Hạ (sau 1924) mới đổi thành Hòa Đồng Trung, tức làng Vĩnh Lợi. Nhìn chung trong tiểu thuyết, ông lấy cơ bản của sự học của ông và viết về ông giáo dạy chữ Nho, đến trường Tổng rồi trường Tỉnh v.v. Xin đọc:

“Ông giáo Huân là một nhà nho học hoạt bác, thông sử kinh rành nghĩa lý, giảng sách dễ hiểu, viết chữ có gân, tuổi đã quá năm mươi mà sức khoẻ còn đầy đủ” (chương 2).

Như đã biết, ông học chữ Nho tại làng Bình Thành tới 4 năm, và trong chuyện ông viết về người học trò Phan Vĩnh Xuân (ông cho là họ Phan, có liên gì với ông Huê không?) học chữ Nho với ông giáo Huân, đọc xong cuốn Mạnh Tử tức hiểu thông Tứ Thư, rồi vì muốn làm thầy giáo sau này nên qua trường Tổng, tức trường Chợ Giồng học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp hai năm rồi xuống Chợ Gò học trường Pháp 3 năm để hoàn tất bậc Sơ Đẳng Pháp, rồi được học bổng lên

Sài Gòn học trường Chasseloup Laubat tới năm 1905 đậu Diplôme (bằng Thành Chung) và hoạn lộ khởi đầu.

Ông viết về cái trường Pháp ở tỉnh lỵ Gò Công như sau:

“Để nói riêng tình hình giáo dục trong hạt Gò công hồi cuối thế kỷ 19, thì đủ biết lúc ấy trong mấy hạt khác cũng vậy.

Trong khoảng đó, người ta nhận thấy tại châu thành Gò công nhà nước có một trường sơ đẳng học, gồm năm lớp, có một quan Đốc học, người Pháp với năm giáo viên người Việt. Từ lớp nhứt đến lớp tư thì dạy Pháp văn nhiều hơn Việt văn, còn lớp năm là lớp chót thì giao cho một thầy nho biết chữ quốc ngữ dạy trẻ đồng ấu học văn xuôi, văn ngược; rồi tập đọc, tập viết quốc văn.

Học trò cả thầy chừng một trăm rưởi, lớp chót được lồi 50 trò, còn mấy lớp trên chừng vài ba chục, tới lớp nhứt chỉ còn từ 10 đến 15 là nhiều. Lại học trò toàn là con trai chớ không có con gái, cha mẹ ở tại chợ, hoặc trong mấy xóm làng xung quanh, cách chợ lồi vài ba ngàn thước.

Muốn lấy lớp trên có thêm học trò đông, lại cũng muốn Pháp ngữ được thông dụng trong mấy làng xa, Tham Biện mới mở tại bốn chợ trong bốn tổng mỗi chợ một trường dạy Pháp văn gọi là trường tổng gồm hai lớp: lớp nhỏ chuyên dạy cho biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ, rồi lên lớp lớn bắt đầu dạy Pháp văn. Trong lúc nói đây trong hạt có bốn trường tổng đặt tại bốn chợ: Rạch Già (Đồng Sơn), Giồng Ông Huê (Vĩnh Lợi), Cửa Khâu (Tăng Hòa) và chợ Tổng Châu (Tân Niên Tây).

Mặc dầu có huấn lệnh dạy Hương giáo mấy làng chung quanh chợ ép buộc mấy người có con phải cho đến mấy trường tổng đó mà học, lại mặc dầu mỗi năm, trước khi khai trường, có gom học trò lớp lớn của mấy trường tổng về châu thành mà thi chung; mấy chục trò giỏi được hưởng học bổng mỗi tháng năm đồng bạc để ở ăn cơm quán tại châu thành tiếp học thêm mấy lớp trên của trường sơ đẳng học.

Thế mà trong bốn trường tổng số học trò cũng không được đông; ở chợ lớn như chợ Giồng Ông Huê thì được 40 đến 50, còn ở mấy chợ nhỏ thì vài ba chục mà thôi,

Có một điều đáng để ý là lúc ấy ở châu thành cũng như ở mấy chợ, đã có trường tổng mà lại có trường tư dạy chữ nho; ở chợ người ta thấy có tới hai ba trường trai gái học chung kể đến bốn năm chục

Còn trong các làng chưa kiếm được giáo viên dạy chữ quốc ngữ, thì hương chức rước một thầy nho để dạy trẻ em tại đình học chữ nho. Ở mấy xóm đông, có trẻ em nhiều, thì người có cơm tiền, có nhà rộng, cũng nuôi một thầy nho để dạy con cháu. Người trong xóm thường cho con tựu lại đó mà học chữ nho, mỗi tháng dâng ơn cho thầy hoặc một hai quan tiền, hoặc một quâu gạo, hoặc bánh trái hay tôm cá.

Hạng già cả nghe nhắc tới khoảng này sẽ cảm xúc mà nhớ bộ tịch tèm lem dơ dáy của đám trẻ em mỗi ngày băng đồng lội rạch, trải nắng dầm mưa đi đến mấy trường làng và trường xóm mà học chữ nho hồi đời đó. Sớm mơi ăn cơm rồi mới đi học đến gần nửa buổi chiều mới trở về nhà. Mỗi trò đem theo một cái ống tre, có dây buộc hai đầu để mang vào vai, đựng đựng sách vở, viết mực dàu mắc mưa hay lội sông cũng khỏi ướt”.

Mấy trò nhỏ mới tập viết, không có tiền mà mua giấy mực xôi xả như bây giờ, thì có sẵn sẵn để tại trường, một tấm ván, một cái ghè đựng nước, vài cây cọ đẽo bằng tre với ít cục đất sét nhồi nắn rồi phơi khô. Để tập viết thì chấm đầu cục đất sét vào ghè nước mà thoa trên tấm ván rồi cầm cây cọ mà viết. Để viết rồi chữ đó thì lấy cục đất mà chà lên đặng bôi bỏ mà viết chữ khác. Với cách tập viết tiện tiện như vậy nên trẻ em mới học thì tay chùn, quần áo bị bùn lấm lem, dơ dáy hết sức.

Phải con nhà giàu, lại phải biết viết rồi, được lên hạng tư hạng năm và hạng sáu, nghĩa là mỗi trương giấy bạch viết được bốn, năm hoặc sáu hàng rồi, thì mới bỏ cọ, bỏ ván mà cầm viết đặng viết trên giấy.

“Mà thầy giáo chấm vở và chấm sách cho học trò, cũng không có mực đỏ như bây giờ. Người ta kiếm đá ong trải trên lộ, lựa cục nào màu đỏ nhiều thì lượm đem về, rồi lấy đĩa đổ chút nước mà mài thành son để thầy giáo chấm vở và khuyên mấy chữ viết tốt.

Hiện giờ dờm thấy trẻ em đi học quần áo đẹp đẽ, giày nón vắn vang, tay ôm cặp da, túi vắt viết máy, người ta nhớ lại tình cảnh của học trò hồi 60 năm về trước, người ta chẳng khỏi thương tâm, tội nghiệp cho trẻ xưa cực khổ cam go, nhưng cũng ráng là học, học đặng biết nghĩa, biết nhân, biết thảo, biết thuận, biết quấy, biết phải, biết cao, biết thấp.

Xây nên tân học, người ta khuyên dụ, vừa ép buộc, mà người Việt cứ dụ dụ và đeo đuổi theo nho học nó sẽ đưa mình đến chỗ nào, còn tân học thì mịt mù không hiểu nó sẽ dắt mình đi đâu, sợ e nó sẽ phân rẽ mình với tổ tiên nó sẽ làm cho mình quên cả ơn nhà nọ nước”. (chương 1)

Đây là tình hình giáo dục, một bên lớp học dạy chữ Nho vẫn còn, bên kia chính quyền Pháp cũng khuyến khích việc học chữ Quốc ngữ rồi học chữ Pháp. Dân chúng thời đó cũng do dự không háng hái cho con em học theo lối mới. Mà muốn học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp cũng phải tốn kém lắm. Trăm trẻ em ở Gò Công thời đó chưa được một được đi học đường hoàng. Đọc tiếp sẽ thấy:

“Nhờ cái may đó nên Vĩnh Xuân có chỗ dung thân mà học cho đến cuối năm rồi đi thi. Năm đó trường Gò Công chọn sáu trò cho lên Sài Gòn thi chung với học trò các trường sơ học trong Lục Tỉnh. Trường Gò Công có hai trò được chấm đậu Phan Vĩnh Xuân với một trò nữa tên Nguyễn Ngọc Chơn gốc ở chợ Tổng Châu.

Thi rồi trở về, hai trò thi đậu được ông Đốc Học với mấy thầy giáo ngợi khen nức nở. Ông Đốc nói nếu không muốn học thêm bốn năm nữa thì ông sẽ xin với Tham Biện cấp bằng cho làm giáo tổng, lương mỗi tháng 12 đồng: Thầy nhứt và mấy thầy đều khuyên răn học thêm bốn năm, đặng làm thông ngôn, ký lục, lương lớn hơn, mà sau lại còn được lên chức Huyện, Phủ, vinh hiển. Học được nhà nước nuôi cơm cháo lại phát áo quần, có tốn hao gì mà không chịu học”. (chương 4)

Còn muốn học bậc trung học, học trò Gò Công phải dự thi tuyển vào trường Mỹ Tho hay Sài Gòn. Như trong tiểu thuyết, thực tế là năm 1900, chỉ có 2 học trò thi đậu lên Sài Gòn tiếp tục học.

Đấy đọc chừng mấy chương đầu của cuốn tiểu thuyết *“Tơ hồng vương vấn”* mà ta đã thấy bao quát được nền giáo dục buổi giao thời Pháp Việt ở tỉnh Gò Công như thế nào. Đây là các trang quý để cho những nhà làm giáo dục tham khảo.

Riêng về cốt chuyện *“Tơ hồng vương vấn”* gồm 27 chương, dài chỉ sau cuốn *“Ngọn cỏ gió đùa”* của tác giả. Tác giả là người học Nho tức không tin Phật, nhưng đây là lần đầu tiên tác giả viết theo thuyết *luân hồi* của đạo Phật. Mỗi tình đã được ông Tơ xe chặt, dù chết cũng được tái sinh để kết hợp đẹp mỗi lương duyên. Chuyện trải qua cả mấy chục năm: Cô Cúc Hương bị cha mẹ ép gả cho người khác, để giữ lời thề trong chùa Ông nên cô uống thuốc quỳ sinh. Hai mươi năm sau có cô Hường người Bình Thủy, Cần Thơ nơi ông Phủ Vĩnh Xuân chia tay vợ giữ con nhỏ trị nhậm, cho thấy cô là hậu thân của Cúc Hương...và thành cô Phủ, vì nhỏ quá dân không gọi là bà Phủ.

Cuối cùng, đây là cuốn tiểu thuyết dài tác giả nhắc nhiều địa danh trong tỉnh Gò Công thời Nam Kỳ nhứt.

Đặc biệt trong cuốn tiểu thuyết này vì nhân vật chánh Vĩnh Xuân thi đậu Diplôme rồi xin làm việc nên được chánh quyền Pháp bổ làm thầy thông ở Tòa Bố tỉnh Mỹ Tho. Ban đầu các hương chức làng ở Gò Công cũng tiếc phải chi Vĩnh Xuân được bổ ở Tòa Bố Gò Công, thì cậu sẽ giúp đỡ họ khi họ đến Tòa Bố trình quan lớn. Nhưng chính sách hồi đó thường bổ công chức cấp “trung” trở lên làm việc ở tỉnh khác tỉnh nhà. Vậy cho nên chỗ làm việc của người học trò cũ của Gò Công là Tòa Bố tỉnh Mỹ Tho. Tòa Bố là nơi làm việc của các viên tham biện Pháp mà chánh tham biện được hiểu như là chủ tỉnh. Tòa bố sau 1945 được gọi là Tòa hành chánh tỉnh. Đoạn văn này sẽ cho ta thấy cơ cấu Tòa bố thời Pháp thuộc:

“Giờ đó tại Tòa Bố làng dân đương hầu rất đông, làng bịt khăn đen, bận áo dài, còn dân thì mặc áo vắn, để đầu trần nên dễ phân biệt.

Vĩnh Xuân đi ngoài hành lang phía trước, đi giáp ba phòng, thấy phòng nào cũng có mấy ông, mấy thầy ngồi làm việc, cả thầy đều mặc áo dài nhưng người bịt khăn đen, người bịt khăn đầu riu xanh, mà cũng có người không bịt khăn gì hết. Trong cái phòng giữa rộng lớn, có năm sáu thầy ngồi hai hàng bàn đặt hai bên. Phía trong sâu, có một bàn lớn. Một ông quan Pháp, để râu bó hàm ngồi day mặt ra ngoài, đương hút thuốc và nói chuyện với một ông quan Pháp khác, trẻ tuổi hơn, đứng tại đầu bàn bên tay trái....

Cảnh Vĩnh Xuân “trình diện” để làm việc:

“Tôi là ký lục, có giấy bổ tôi làm việc tại đây. Tôi muốn trình diện với quan Chánh Tham Biện. Hai ông đương nói chuyện trong phòng đó ông nào là ông Chánh ?

- Té ra thầy đổi lại đây. Xin lỗi thầy tôi không dè. Hai ông đó không phải quan lớn Chánh. Ông có râu ngồi đó là quan Phó nhứt, còn ông nhỏ đứng một bên đó là quan Phó

nhì. Quan lớn Chánh ngồi phòng phía trong nữa. Phải đi vòng vô phía sau mới hầu ngài. Mà thầy mới đổi lại, nên trình diện với quan lớn Phó nhứt, rồi sẽ vô quan lớn Chánh. Cho hầu rồi, bây giờ hai ông nói chuyện chơi. Thầy cứ vô đại đi, vô trình giấy cho quan lớn ngồi giữa đó.

Vĩnh Xuân nghe nói như vậy mới lấy giấy của quan Tham Biện Gò Công phát cho đi đường mà cầm trong tay, rồi lột nón đi ngay vô, cúi đầu chào hết hai ông và đưa giấy đi đường cho quan Phó nhứt.

Quan Phó coi giấy rồi vui vẻ hỏi Vĩnh Xuân phải mới thi đậu kỳ này và phải gốc ở Gò Công hay không. Vĩnh Xuân nói phải. Ông đứng dậy kêu cai hầu, hỏi quan lớn Chánh hồi sớm mới ngồi xe đi quan sát vùng Chợ Cũ đã về rồi hay chưa. Cai hầu bẩm quan lớn Chánh đã về này giờ rồi.

Quan Phó nhứt biểu Vĩnh Xuân đi với ông rồi ông mở cửa phía sau lưng, dắt Ký Xuân qua trình diện với quan Chánh Tham Biện.

Khác hẳn với quan Phó, quan Chánh lớn tuổi, nhưng nhỏ vóc, nghiêm chỉnh, nói ít lại nói chậm.

Quan Phó giới thiệu thầy ký mới, rồi quan Chánh ngó qua Vĩnh Xuân mà nói rằng quan Phó sẽ chia việc cho thầy làm. Còn nhỏ tuổi, mới tập sự, thầy phải siêng năng, hăng hái lo cho tròn bốn phận, đừng trễ nải, nhứt là đừng kiếm cách làm khó cho làng, cho xã, đừng ăn tiền, bởi vì ăn hối lộ là tội trọng, luật pháp sẽ trừng trị thẳng tay...

Cơ cấu hành chánh trong Tòa bố có các chức việc và trách vụ như sau:

“Trước hết thầy Khuê dắt Xuân qua trình diện với quan Phủ, ngồi trong phòng phía tay trái. Quan Phủ bịt khăn đen, không có râu, ốm yếu, mặt thon, nước da mét như người có bệnh. Tuổi ông đã quá 50, tánh ôn hòa, tiếng nói nhỏ, ít hay cười. Ông nói ít lời rồi có Hương chức vào châu, nên ông biểu thầy Khuê dắt đi giới thiệu với mấy thầy, để bữa khác rảnh ông sẽ nói chuyện dài.

Thầy Khuê dắt ra bàn quan Huyện, ông ngồi phía trước. Quan Huyện cao lớn, mập mạp, để râu ngạnh trê bịt khăn đầu rìu xanh, tuổi đã trên 40, tướng khỏe mạnh. Vừa nghe thầy Khuê tiến dẫn thầy ký mới thì ông vui vẻ đưa tay ra bắt tay Vĩnh Xuân kêu bếp hầu biểu nhắc lại hai cái ghế, ép Vĩnh Xuân ngồi và hỏi

Vậy, trong Tòa Bố ngoài viên Chánh Tham biện và 2 viên Phó Tham biện là người Pháp, hai người chức việc lớn người Việt là quan Phủ và quan Huyện. Quan Phủ là lớn nhứt thế các Tham biện Pháp để giải quyết việc huyện, tổng và làng, theo nguyên tắc hương chức làng trình cai tổng, cai tổng trình huyện và huyện trình phủ.

Trong Tòa bố còn các chức việc như sau:

“Ông Kinh nói: “Buổi chiều nay vô nhà hầu, tôi có nghe một chuyện ngộ ngộ. Số là thuở nay thầy Sung coi bộ đình (dân cư, thuế thân) mà coi luôn bộ sanh ý (nghề nghiệp,

thuế hành nghề) nữa. Bây giờ buôn bán thanh phát, dân sự đến xin sanh ý nườm nượp. Thầy Sung làm tới hai việc thầy làm không xiết, để bê trễ người ta kêu nài hoài. Quan Phó nhứt mới nói với quan lớn Chánh xin thêm một thầy ký nữa để chia công việc với thầy Sung. Hôm nay được mấy quan trên cấp bằng thầy xuống đây ai cũng tưởng quan Phó sẽ chia cho thầy hoặc bộ đình, hoặc bộ sanh ý. Hồi sớm mời thầy vô trình diện với quan Phó, rồi ông dắt thầy vô quan lớn Chánh. Chèng trở ra ông biểu Thầy Khuê dắt thầy đi giới thiệu với mấy ông, mấy thầy trong nhà hầu. Hồi nãy đi về chung một khúc đường với thầy Huấn coi về điền thổ, thầy nói nhỏ với tôi rằng quan Phó nhứt sẽ bắt thầy đứng thông ngôn cho ông chứ không phải coi bộ đình hay là sanh ý”.

Ông Kinh là ông “kinh lịch” một chức việc thông dịch chữ “Hán” ra chữ “Nam”, còn thầy “thông” là dịch chữ “Tây” ra chữ “Nam” hay ngược lại. Chức “kinh lịch” tồn tại tới năm 1945, để dịch các giấy tờ xưa viết bằng chữ Hán ra chữ Nam (Quốc ngữ) hay ngược lại, vì các cáo thị nào cũng phải có tiếng Hán kèm theo. Nhà hầu tức Tòa bố như Tòa Hành chánh sau này. Bộ “đình” coi về hộ tịch, khai sanh, khai tử, hôn thú kể việc lập giấy thuế thân. Giấy thuế thân như giấy căn cước nhưng phải đóng thuế hằng năm, dân nghèo có khi không đóng nổi thuế thân, nên có câu “trốn xâu” “lậu thuế”. Trốn xâu là trốn không làm những ngày “xâu dịch”, vì dân nghèo làm xâu dịch một năm mười bữa, nửa tháng như đào kinh, đắp đường, tiền ăn không có, tiền đâu nuôi vợ con. Lậu thuế là dân không tiền đóng thuế thân, làng đi xét giấy thuế thân phải trốn chui trốn nhủi, sang làng khác làm “dân lậu”, thân nghèo thời “đô hộ” khổ là như thế. Còn thuế “sanh ý” như thuế môn bài, giờ gọi là giấy phép kinh doanh. Coi điền thổ lập địa bạ điền thổ của các làng trong tỉnh.....

Còn lộ để giao thông liên tỉnh, vì chưa có xe hơi, nên không cần thiết, bởi vậy tổ chức cuộc giao thông đường thủy thấy tiện lợi hơn.

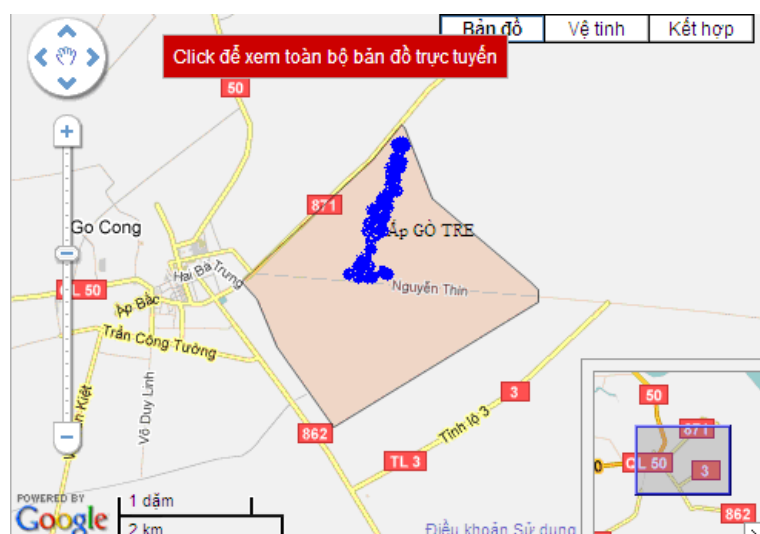
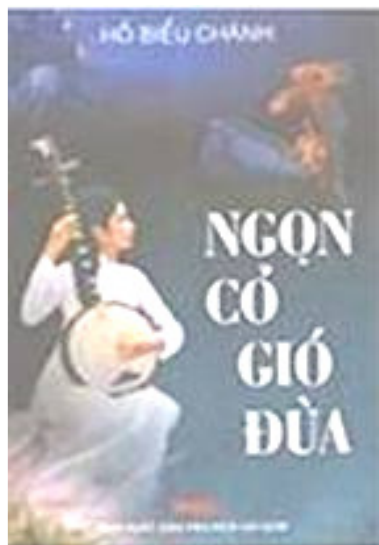
Mỗi ngày đường Chợ Lớn xuống Gò Công và đường Sài Gòn lên Thủ Dầu Một đều có tàu đi tàu về. Tại chợ Gò Công có Cầu Tàu, ban đầu ở chỗ sau là “đất thánh Tây”. Từ cuối các năm 1920, bến Tàu dời vô Bến Bạch Đằng sau này. Tàu là chaloupe chạy bằng hơi nước hình như dưới đây:



Chaloupe chinoise (1920) chở khách và hàng hóa từ Gò Công lên Sài Gòn

6. NGỌN CỎ GIÓ ĐÙA (1926)

GIỒNG TRE LÀ QUÊ HƯƠNG ĐAU ĐỚN PHẬN HÈN



Mở đầu câu chuyện “*Ngọn cỏ gió đùa*” ông Hồ Biểu Chánh viết về một vùng Gò Công như sau:

“Năm mậu-thìn (1808) nhằm Gia-Long thất niên, tại huyện Tân-Hòa, bây giờ là tỉnh Gò-Công, trời hạn luôn trong hai tháng, là tháng bảy với tháng tám, không nhều một giọt mưa. Lúa sớm gần trở, mà bị ruộng khô nên không nở đòng đòng, lúa mùa vừa mới cấy, mà bị đất nẻ, nên cộng teo lá úa.

Cái cánh đồng, từ Rạch-Lá tới Bến-Lội, là vú sữa của nhơn dân trong huyện Tân-Hòa, năm nào cũng nhờ đó mà nhà nhà đều được no cơm ấm áo, đều (ngặt vì) năm nay cả đồng khô héo, làm cho dân cả huyện trông thấy đều buồn-bực thở than.

Tại Giồng-Tre có nhà bà Trần-Thị bần cùng đói rách, thuở nay trời cho trúng mùa mà nhà bà cũng không được vui, hưởng chi năm nay mất mùa, thiên hạ nhin đói, thì nhà bà càng thảm khổ hơn nữa."

Trong chuyện Lê Văn Đố là em chồng của Trần Thị...nghèo nàn dốt nát, vì ăn cắp một trã cháo heo cho chị dâu và cháu đỡ đói nên bị phạt tù 5 năm, vì trốn tù nên bị tăng án lên 20 năm. Trong lúc ở tù Lê văn Đố chịu dưới quyền cai quản của Phạm Kỳ. Phạm Kỳ là một tên lính giữ nhà tù, luôn luôn chấp hành luật một cách nghiêm cần. Sau khi ra tù Lê Văn Đố gặp nhà sư và được nhà sư cảm hóa. Nhờ tánh siêng năng và may mắn Lê văn Đố trở nên điền chủ giàu có, nhưng lo giúp đỡ những người nghèo...

Trong câu chuyện "*Ngọn cỏ gió đùa*" cảm tác từ tác phẩm *Les Misérables* của Victor Hugo, ông Hồ Biểu Chánh cho Lê Văn Đố, người phải chịu cảnh đau đớn phận hèn, có quê ở *Giồng Tre*. Tôi có thể nói thêm là Giồng Tre hay *Gò Tre* là một ấp lâu đời của thôn Thuận Ngãi, lỵ sở huyện Tân Hòa thời Triều Nguyễn.

Ông Hồ Biểu Chánh nhắc tới địa danh Giồng Tre nhiều lần trong các cuốn tiểu thuyết của ông.

Trong cuốn tiểu thuyết *Hai vợ*, ông cho biết *Giồng Tre là nơi phát tích và dựng cờ khởi nghiệp của Hoài Quốc Công Võ Tánh*. Ông cho Giồng Tre và Giồng Sơn Qui là hai vùng đất gắn chặt với những bậc *danh nhân, danh thần, hoàng hậu* nên góp phần nâng Gò Công thành *Địa linh Nhân Kiệt*.

Thêm nữa, trong những năm 1940 ông Hồ Biểu Chánh có viết cuốn khảo cứu "*Hoài Quốc Công Võ Tánh*", là cuốn khảo cứu hoàn chỉnh gồm những cứ liệu quý giá về nhân vật xuất phát từ Giồng Tre này. Không phải vô tình ông chọn Giồng Tre làm quê hương đầu tiên cho câu chuyện của ông. Cuốn tiểu thuyết "*Ngọn cỏ gió đùa*" là tuyệt tác của tiểu thuyết miền Nam được xây dựng chặt chẽ, có thể gọi là *cuốn sử thi*...Xin đừng vội nói đây là quyển chuyện cảm tác...Cái tài của Hồ Biểu Chánh là đặt cốt chuyện trong bối cảnh lịch sử có thật: trước và sau loạn *Lê Văn Khôi* ở miền Nam.

Chuyện thêm, tôi là người Gò Tre, làng Thành Phố, tỉnh Gò Công. Từ khi tôi đi học biết chữ năm 1942 tôi vẫn nghe người Gò Công gọi ấp tôi là xóm hay ấp *Gò Tre* ⁵, nhưng cũng từng nghe nhiều người gọi là Giồng Tre.

7. NHỮNG TIỂU THUYẾT KHÁC CÓ NHẮC TỚI GÒ CÔNG

ĐẠI NGHĨA DIỆT THÂN - 1955

⁵ Xin xem quyển "*Gò Công...vọng tiếng đất lành*" – 2010, chương *Miền Thanh Trước lạng lẽ nơi này!*

Cuốn tiểu thuyết *“Đại nghĩa diệt thân”* là khái quát những nét bi hùng của dân chúng miền Nam quyết bảo vệ “tấc đất ngọn rau” lúc Pháp tiến hành thu tóm miền Nam này:

Pháp ào ạt chiếm miền Nam, sau khi các quan tướng của triều đình lần lượt hy sinh

Giữ Gia Định, (Võ) Duy Ninh liều mạng thác,

Ôm quốc kỳ tử tiết giữa trùng vây.

Phan Thanh Giản ngậm hờn pha thuốc độc,

Bởi xâm lăng chẳng nhượng nước non này ... (Vô Danh),

Chuyện là chuyện của tiểu thuyết mà ông viết là tiếng thở dài của lịch sử:

“Hồi tưởng ngày xưa, chúng ta chẳng khỏi ngậm ngùi về nỗi thảm của tổ tiên ta, cách gần một trăm năm hồi trước, phải chịu cái cảnh thê lương nước mất nhà tan, sao dờn vật đổi.

... ..

Cụ Nguyễn Trung Trực luôn luôn làm náo động vùng Nhựt Tảo, Bến Lức. Cụ Thủ Khoa Huân chiêu tập nghĩa binh khuấy rối vùng Bình Cách, Bến Tranh. Cụ Trương Công Định hùng cứ vùng **Gò Công**. Cụ Thiên Hộ Dương hùng cứ vùng Tháp Mười. (Chương I)”

Những nét chánh của thời nạn nước với Pháp xâm lăng, đều có Gò Công! Gò Công địa linh chẳng!

CON NHÀ GIÀU – 1931

Ông Hồ Biểu Chánh viết truyện, *“Con nhà nghèo”* năm 1930 lấy bối cảnh, dân quê nghèo các xã của tổng Hòa Đồng Hạ, Gò Công, nêu lên cảnh gieo neo thân phận dân nghèo bị áp bức, rồi tới năm 1931 ông viết tiếp quyển *“Con nhà giàu”*. Lần này ông đưa địa danh Chợ Gạo, miền giáp phía tây của Gò Công, với các ông chủ điền lớn với hàng năm trăm mẫu, bề thế, nên có gia cảnh hai dòng con. Đây là ông Kế Hiền Toại bòn sẻn với mọi người chó không phải hẹp với con dòng lớn, còn rộng với con vợ nhỏ. Bà vợ nhỏ lo sợ, ông Kế Hiền đã quá 60, mà ương yếu như vậy nên bà òn ã khóc lóc xin ông hãy tính giùm việc tương lai cho bà, chó nếu ông không tính trước rủi ông cõi hạc châu trời, thì chắc thầy Ban Biện Thượng Chí dùng quyền trưởng nam mà thâu hết sự nghiệp rồi mẹ con bà không có chỗ mà dung thân... Con út là Thượng Trí 19 tuổi đang học ở Sài Gòn, đang òn ã với mẹ về tiền bạc:

“Vậy chó mình không có tiền hay sao? Cha chết cha để ruộng đất cho má hưởng huê lợi mỗi năm góp mười lăm mười bảy ngàn gia lúa thiếu gì tiền mà phải ham nữa.

- Mình có chút đỉnh, nếu có thêm nữa thì càng tốt chó sao con.

- Có nhiều rồi mà còn muốn có thêm nữa, còn những kẻ nghèo kia họ mới làm sao?

- Họ làm sao họ làm, hơi đâu mà lo cho họ”.

Thượng Tứ nằm lặng thinh một hồi rồi mới nói rằng: “Tôi thấy họ nghèo tôi thương quá, như học ở trên trường có thằng Khả, con của ai ở **Gò Công** không biết, cha mẹ nó nghèo nên nó học mà coi bộ khổ không biết chèngh nào. Nó bận áo vải quần vải mà rách rồi phải vá miếng nào miếng nấy bằng bàn tay. Từ đầu năm đến bãi trường không khi nào thấy nó cầm một miếng bánh mà ăn. Chúa nhật cả trường ai cũng ra đi chơi, nó cứ ở lục đục trong trường mà học, không dám đi đâu hết, có tiền đâu mà đi. Hôm thi rồi, nó được đậu mà nó không vui. Tôi thấy vậy tôi hỏi nó thì nó nói nó không có tiền nên không biết làm sao mà về, còn gởi thư xin cha mẹ thì không biết cha mẹ có mà gởi lên cho hay không nên không dám xin. Tôi nghe nó than như vậy tôi động lòng, nên tôi còn tám đồng bạc tôi chia làm hai cho nó phân nửa. Nó cảm ơn tôi quá mà nó lấy có hai đồng, nói rằng bao nhiêu đó thì đủ cho nó về tới nhà rồi, không cần nhiều hơn nữa. Không biết chèngh tại cha mẹ thằng Khả nghèo, nên nó mới thi đậu đó đa má a”.

Bà Kế hiền thở ra mà đáp rằng :

- Con biết thương người ta, sao con không bắt chước người ta? Người ta nghèo cực mà người ta còn học được, còn con học tốn hao của cha mẹ không biết bao nhiêu, mà sao con học không nên?

Con Nhà Giàu – Chương Một

Ông Hồ Biểu Chánh cho “con nhà giàu” ở Chợ Gạo, khi đi học, chưa được nên người, gặp được người bạn “**con nhà nghèo**” ở **Gò Công**, cố công học tập. Phải chăng anh trò nghèo học Sài Gòn đó là ông, lúc nhỏ, dù nghèo ông cố học để thành công như ta biết!. Ông luôn nhớ thời học trò cơ cực của ông nên ông nhắc **Gò Công** vậy!

VỢ GIÀ CHỒNG TRẺ - 1957

Chuyện cuốn tiểu thuyết này như cái tựa. Vợ già chồng trẻ, ban đầu hạnh phúc, giữa đời có khúc mắc, người chồng trẻ có thêm người vừa ý; nhưng rồi có nút gở. Người gở rồi là cô Hai Tý, con gái riêng của người vợ già, được cha dưỡng trẻ hơn mẹ, nuôi từ nhỏ cho ăn học, lớn lên làm cô giáo dạy ở **Gò Công** và có gia đình ở đây. Cô là cô giáo nên đàn xếp có tình có lý, để cho mẹ ruột còn hưởng niềm vui gia đình và cha dưỡng được cả hai người vợ yêu quý!

PHẦN KẾT:

Đến đây tôi đọc gần được 60 cuốn tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, còn một vài cuốn tôi chưa tìm được, như cuốn **Ông cả Bình Lạc**, tôi ngờ là ông viết về ông cả ở Bình Lạc gần làng **Bình Thành**, quê ông. Tôi đã tìm được các cuốn tiểu thuyết ông viết có nhắc đến **quê hương Gò Công**. Những tiểu thuyết này gần như là cuốn sử về một giai đoạn hình thành **Gò Công** như cuốn **Hai vợ**, còn cuốn **Tơ**

hồng vương vấn là khái quát về lịch sử giáo dục từ ngày Pháp đến miền Nam. Đọc cuốn này, cho thấy tại chợ Gò Công đã hình thành nền giáo dục Pháp Việt rất sớm từ năm 1877, 1878. Chính ông các năm 1890 từ Chợ Giồng xuống theo học các lớp sơ đẳng, đậu bằng Sơ Đẳng Pháp rồi trúng tuyển vào các trường trung học ở Mỹ Tho và Chasseloup Laubat tại Sài Gòn. Năm 1905 ông là người gốc Gò Công đầu tiên đậu bằng Diplôme và vào quan trường năm 1906. Ông bắt đầu làm thơ, văn bằng Quốc ngữ. Cuốn *Ai làm được* ông viết xong từ năm 1912. Cuốn cuối cùng ông viết năm cuối đời 1958. Ông tả cảnh sinh hoạt ở nông thôn như cuốn *Hai Thà cưới vợ*, cảnh gieo neo của những tá điền mà là tá điền phải thêm là tá thổ trong *Con nhà nghèo*. Riêng cuốn *Con nhà nghèo* tôi nghĩ cuốn truyện đã làm thay đổi cái gì đó, không những ở Gò Công mà khắp Nam Kỳ. Đọc phần đầu cuốn này, tôi ngưng, tưởng đây là cuốn *Túp lều của chú Tom*, một cuốn tiểu thuyết chống nô lệ, viết bởi Harriet Beecher Stowe, in năm 1852, cuốn tiểu thuyết đặt nền móng cho cuộc nội chiến Mỹ (*Uncle Tom's Cabin; or, Life Among the Lowly is an anti-slavery novel by American author Harriet Beecher Stowe. Published in 1852, the novel "helped lay the groundwork for the Civil War"*).

Còn cuốn *Con nhà nghèo*(1930), tuy không dữ dội, nhưng chắc là khai nguồn cho những tuồng cải lương *Đời Cô Lựu* (1960), *Lá sầu riêng* (1970) hay *Tiếng hò sông Hậu* (1980) vậy. Nếu quả vậy thì tiểu thuyết gia Hồ Biểu Chánh là sử gia của thời ông sống vậy! (*Le romancier est un historien du présent*)

Tôi người Gò Công, cục bộ, nên cho là những cuốn tiểu thuyết có **địa danh Gò Công** nêu trên là quý cho giới trẻ địa phương tôi, họ phải đọc cho biết hai tiếng Gò Công hình thành không phải đơn thuần do thế đất, cảnh sống thiên nhiên mà còn phải do lao khổ những lưu dân ở lại miền này, bao đời gầy dựng làng xã và từng ngã xuống để bảo vệ tấc đất ngọn rau!

Tháng 1- 2011

Sách tham khảo chính yếu :

- Nguyễn Khuê. Chân dung Hồ Biểu Chánh. Saigon : Lửa Thiêng, 1974.
- Hồ Biểu Chánh : người mở đường cho tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. TPHCM :
- NXB Văn Nghệ, 2006.
- Tiểu thuyết Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX / Nguyễn Kim Anh chủ biên. TPHCM : NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM, 2004.
- Thụy Khuê. Hồ Biểu Chánh (trên RFA)
- Website <http://www.hobieuchanh.com/tieu-thuyet/>
- Gò Công Cảnh cũ, người xưa – Việt Cúc – 1969 (về các địa danh: Bao Ngọc, Truong Cóc, Ụ Giũ).

- Gò Công...vọng tiếng đất lành – Phan Thanh Sắc - 2010

Ngày 01/07/11

¹ Nguồn: “*Gò Công... lặn thâm hương sắc*”, Nxb Phương Đông, 2012, từ trang 330 đến trang 386